

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI VELBRED**

----------

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN**

**“TRẠI SẢN XUẤT HEO CAI SỮA CÓ QUY  
MÔ CHUỒNG TRẠI 29.194 M<sup>2</sup> (120.000  
CON/NĂM)- TRẠI GP2”**

**ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ LÝ, HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**ĐỒNG NAI, NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI VELBRED**

-----330-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN**

**“TRẠI SẢN XUẤT HEO CAI SỮA CÓ  
QUY MÔ CHUỒNG TRẠI 29.194 M<sup>2</sup>  
(120.000 CON/NĂM)- TRẠI GP2”**

**ĐỊA ĐIỂM: ÁP 4, XÃ PHÚ LÝ, HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**



**CHỦ DỰ ÁN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LEE MENG HONG**

**ĐỒNG NAI, NĂM 2023**

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	1
I. Thông tin chung về dự án.....	1
1. Tên chủ dự án.....	1
2. Tên dự án.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án:.....	1
3.1. Công suất hoạt động của dự án:.....	1
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án:.....	1
3.3. Sản phẩm của dự án:.....	1
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án.....	4
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên vật liệu sử dụng.....	4
4.3. Nhu cầu sử dụng điện.....	6
4.4. Nhu cầu sử dụng nước:.....	6
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.....	8
6. Các thông tin khác liên quan đến dự án (nếu có):.....	8
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):.....	10
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):.....	10
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):..	11
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	11

1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	12
1.3. Xử lý nước thải:.....	14
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):.....	22
2.1. Giảm thiểu mùi từ hoạt động chăn nuôi.....	22
2.2. Giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải do giao thông.....	24
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	25
3.1. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh.....	25
3.2. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh.....	26
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	27
4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	27
4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại.....	28
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có);.....	29
5.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	30
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):.....	31
7.1. Phòng chống cháy nổ và phòng cháy chữa cháy.....	31
7.2. Biện pháp phòng chống dịch bệnh.....	32
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):.....	35
<b>CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>36</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):.....	36
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):.....	36
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....	36
<b>CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>37</b>
<b>CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>37</b>

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	37
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	39
<b>CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN</b>	<b>40</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	40
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	40
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	40
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	40
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	40
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	41
<b>CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN.....</b>	<b>42</b>
<b>CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.....</b>	<b>43</b>

## **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
DO	: Oxy hòa tan trong nước
MT	: Môi trường
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TSS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1.	Nhu cầu vaccine, thuốc thú y.....	4
Bảng 1.2.	Nhu cầu sử dụng nước thải hiện tại của trại chăn nuôi.....	7
Bảng 1.3.	Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong trại.....	8
Bảng 3.1.	Thông số kỹ thuật của bể tự hoại của trang trại.....	16
Bảng 3.2.	Lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải.....	21
Bảng 3.3.	Lượng điện sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải.....	21
Bảng 3.4.	Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh.....	25
Bảng 3.5.	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	25
Bảng 3.6.	Bảng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm.....	27
Bảng 5.1.	Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2021 và 2022.....	38
Bảng 6.1.	Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.....	41

## **DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1.1.	Quy trình chăn nuôi heo cải sữa.....	2
Hình 1.2.	Sơ đồ quy trình nuôi heo nghi mắc bệnh, heo bệnh.....	3
Hình 3.1.	Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa.....	12
Hình 3.2.	Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án.....	14
Hình 3.3.	Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại.....	15
Hình 3.4.	Hệ thống xử lý nước thải, công suất 500 m <sup>3</sup> /ngày.....	17
Hình 3.5.	Hình Sơ đồ nguyên lý đốt khí biogas.....	24



## CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

### I. Thông tin chung về dự án

#### 1. Tên chủ dự án.

- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred
- Địa chỉ văn phòng: xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: ÔNG LEE MENG HONG
- Điện thoại: 02513862757

Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp: 3603214247 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp được đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14/12/2015.

#### 2. Tên dự án.

- Tên dự án: Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm)- trại GP2
- Địa điểm dự án: xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm)- trại GP2” tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): dự án nhóm C

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án:

#### 3.1. Công suất hoạt động của dự án:

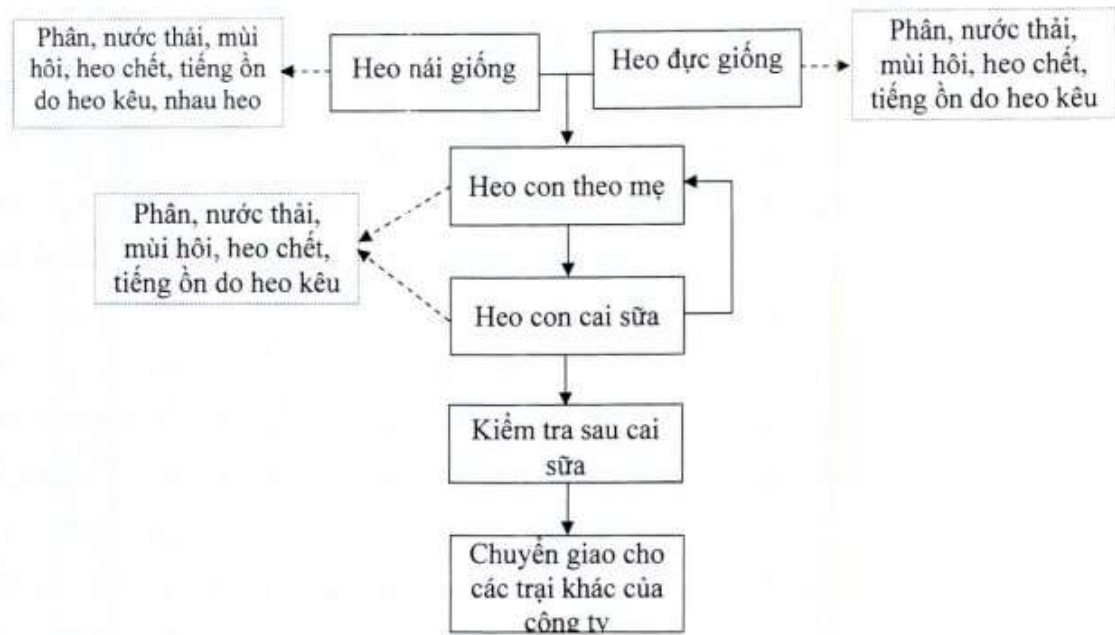
Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm)

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án:

Công nghệ chăn nuôi áp dụng cho dự án là công nghệ chăn nuôi chuồng kín. Các nhà chăn nuôi heo được trang bị tấm làm mát và hệ thống quạt hút công suất lớn kết hợp bộ điều khiển tự động theo công nghệ chăn nuôi đang áp dụng của Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred, đồng thời thực hiện theo Quy định thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn tại Việt Nam (VietGAHP) ban

hành kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Trưởng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

**\* Quy trình chăn nuôi heo cai sữa:**

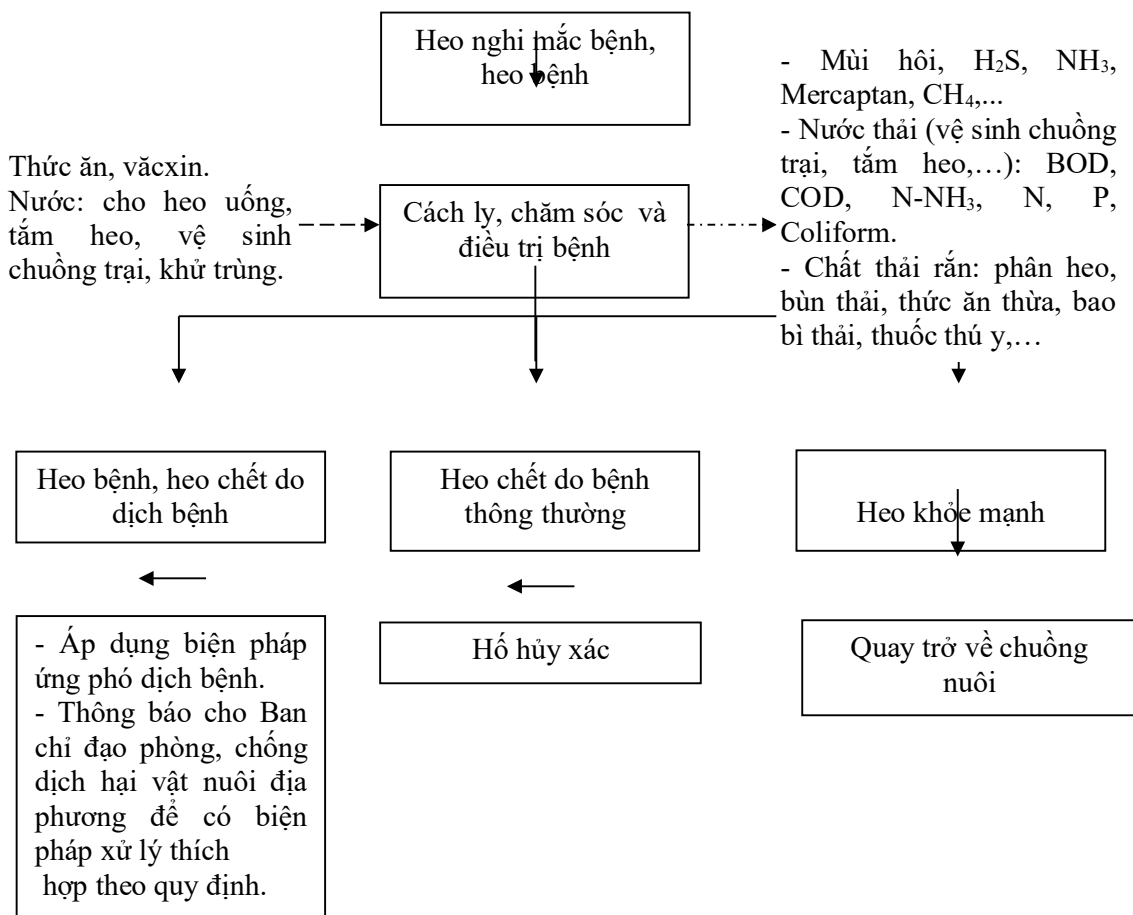


Hình 1.1. Quy trình chăn nuôi heo cai sữa

**\* Thuyết minh quy trình::**

Heo cái và heo đực giống sinh sản được cho phối giống. Heo nái sau phối giống nêu thành công sẽ mang thai khoảng 105-115 ngày, trước ngày sinh một tuần chúng được chuyển lên trại nái đẻ, tại đây heo được chăm sóc cẩn thận để chờ sanh. Sau khi sanh, heo con được nuôi chung với heo mẹ trong lồng âm để ngăn ngừa heo con bị bệnh viêm hô hấp, sau thời gian 20-30 ngày, heo mẹ được chuyển sang trại khác, heo con được chuyển sang trại cai sữa. Tiếp theo heo nái chữa khác sẽ được chuyển tới và quy trình này được tái lập như trên. Heo con chuyên xuống trại cai sữa sẽ cách ly được nuôi khoảng 14-21 ngày, thức ăn chính là cám và nước. Sau thời gian này heo được kiểm tra về sức khỏe cũng như cân nặng, lúc này heo đạt tầm khoảng từ 20-25kg, sau khi kiểm tra heo con sẽ được chuyển giao cho các trại khác thuộc hệ thống trại của công ty. Nếu heo chưa đạt yêu cầu sẽ tiếp tục nuôi cho tới khi đạt yêu cầu xuất chuồng. Chuồng heo sau khi được sát trùng sẽ tiếp nhận heo sữa từ trại nái đẻ và quy trình này được tái lập như trên.

**\* Quy trình cách ly heo nghi mắc bệnh, heo bệnh**



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình nuôi heo nghi mắc bệnh, heo bệnh

**\* Thuyết minh quy trình chăn nuôi heo nghi mắc bệnh, heo bệnh:**

- Đối với heo nghi bệnh hoặc heo bệnh (heo bệnh nhưng không phải là dịch bệnh), dự án thực hiện nuôi cách ly tại khu vực nuôi heo cách ly (khi phát hiện heo nghi bệnh hoặc bệnh trại sẽ tiến hành di chuyển heo khỏe mạnh tại 01 chuồng nuôi về các chuồng nuôi khác để sử dụng 01 dãy chuồng nuôi đó thực hiện việc nuôi các ly heo nghi bệnh hoặc heo bệnh) với chế độ chăm sóc theo dõi đặc biệt. Quá trình này nhằm theo dõi, phát hiện và điều trị heo nghi mắc bệnh và heo bệnh. Trong quá trình theo dõi, nếu kiểm tra thấy heo không mắc bệnh sẽ chuyển về chuồng trại nuôi bình thường, trường hợp heo mắc bệnh không do dịch bệnh, sẽ tiến hành điều trị, tiêm thuốc và theo dõi cho đến khi heo hết bệnh. Trong quá trình cách ly, điều trị mà phát hiện heo bệnh, heo chết do dịch bệnh thì chủ dự án sẽ báo ngay cho Ban chỉ đạo, phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương để có biện pháp xử lý theo quy định.

+ Nếu heo có biểu hiện sốt: tiêm kháng sinh có phổ kháng khuẩn rộng, (tức các loại kháng sinh có tác dụng chống nhiễm khuẩn trên đường hô hấp, tiêu hóa,

sinh dục...) và là loại kháng sinh có tác dụng kéo dài (tức các kháng sinh, thuốc thú y, có thời gian lưu trữ lâu trong cơ thể từ 48 giờ trở lên). Ngoài ra, pha Vitamin C + Glucose hoặc Eletrolytes hòa nước cho uống hàng ngày để nâng cao sức đề kháng cho heo.

Bệnh thông thường có thể khỏi từ 5-15 ngày tùy thuộc vào sức khỏe đàn heo, quy trình tiêm phòng đầy đủ các bệnh trước đó. Nếu heo có biểu hiện khỏe trở lại thì được đưa về chuồng nuôi bình thường. Trong quá trình cách ly, điều trị bệnh mà có heo chết do bệnh thông thường (bệnh thương hàn, tiêu chảy,..) không phải do dịch bệnh thì Chủ dự án sẽ tiêu hủy bằng hố hủy xác tại trại.

- Khi phát hiện heo bệnh, heo chết do dịch bệnh (lở mồm long móng, tai xanh, ...), Chủ dự án thực hiện phương án phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra dịch bệnh như sau: nhanh chóng phát hiện và kịp thời báo ngay cho Trạm Thú Y của huyện Vĩnh Cửu để có biện pháp xử lý theo quy định. Thực hiện đúng hướng dẫn của Trạm Thú Y của huyện Vĩnh Cửu để có biện pháp xử lý thích hợp theo quy định; cũng như để xác định nguyên nhân dịch bệnh, đồng thời có biện pháp phòng tránh bệnh dịch lây lan. Tùy theo tính chất, mức độ bệnh dịch, Trạm Thú Y của huyện Vĩnh Cửu báo cáo UBND xã để thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch đối với khu vực đó, đồng thời báo cáo Ban chỉ đạo phòng, chống dịch hại vật nuôi cấp huyện và cấp tỉnh.

### 3.3. Sản phẩm của dự án:

Sản phẩm đầu ra của dự án là heo cai sữa với quy mô 120.000 con/năm.

## 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án.

### 4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên vật liệu sử dụng.

#### \* Nhu cầu về con giống:

Nhu cầu về con giống ban đầu gồm 5.000 heo nái chờ lên giống và 80 con heo đực giống (heo nọc)

#### \* Nhu cầu về vaccine, thuốc thú y

**Bảng 1.1. Nhu cầu vaccine, thuốc thú y**

ST T	Tên Vaccine, thuốc thú y	Quy cách (chai)	Đối tượng sử dụng	Liều lượng	Lượng chai sử dụng (chai/năm)		
					1 tuần	4 tuần	52 tuần
I	Vaccine						

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

1	SFV (dịch tả)	100ml	Heo con 3 tuần	2,0 ml	11,5	46,1	598,9
			Nái mang thai 10 tuần	2,0 ml	1,1	4,4	57
			Nái hậu bị	2,0 ml	0,2	0,8	10,4
2	FMD (lở mồm long móng)	100ml	Nái mang thai 12 tuần	2,0 ml	1,1	4,4	57
			Nái hậu bị	2,0 ml	0,2	0,8	10,4
3	E.coli	100ml	Nái mang thai 12 và 14 tuần	2,0 ml	2,2	8,8	114,1
4	AD (giã đại)	100ml	Nái hậu bị	2,0 ml	0,4	1,6	20,9
5	Pv (khô thai)	10ml	Nái hậu bị	2,0 ml	2	8	104,4
6	PRRS (tai xanh)	100ml	Nái hậu bị	2,0 ml	0,2	0,8	10,4
<b>II</b>	<b>Thuốc thú y</b>						
1	Amox	100ml	Điều trị nái đẻ	15 ml	16,5	65,8	855,5
2	Ampi	100ml	Heo con tiêu chảy (10%)	1,0 ml	5,2	20,7	269,5
3	Tena	100ml	Nái mang thai sót, bỏ ăn (1%)	15 ml	5,4	21,6	281
4	Oxy (O2)	100ml	Điều trị nái đẻ	5,0 ml	8,2	32,9	427,8
5	Lutalyt	25ml	Nái vấn đề (1%)	5,0 ml	2,4	9,6	124,9
6	Sắt (Fe)	100ml	Heo con	2,0 ml	11,5	46,1	598,9
7	Totraril (5%)	100ml	Heo con	2,0 ml	11,5	46,1	598,9
8	ADE	100ml	Heo nái cai sữa	5,0 ml	3,5	14	182,5
9	Calci B12	100ml	Nái vấn đề về chân	15 ml	5,4	21,6	281
10	Amoni (NH3)	100ml	Nái vấn đề về sức khỏe	15 ml	5,4	21,6	281
11	Anagin	100ml	Nái vấn đề: bị sót	10 ml	3,6	14,4	187,3
12	Clucoza (C6H12O6)	500ml	Nái vấn đề: bỏ ăn, đẻ khó		36	144,1	1873,1
13	Cel bôi trơn	1 lít	Bôi trơn dụng cụ phối		0,9	3,8	49,2
14	Ecotraz (CNH23N3)	1 lít	Xịt ghê	2 ml/nước	1	4	52,1
15	Cồn iode (O3)	0,5 lít	Sát trùng (đỡ đẻ heo con)		2,3	9,2	119,8
16	Cồn 70 (O3)	5 lít	Vệ sinh khí		0,4	1,5	19,7

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

			phối				
17	Omnicide (C5H8O2)	5 lít	Sát trùng trại, xe và dụng cụ		2,4	9,6	124,8
18	Sinh lý mặn (NaCl)	5 lít	Vệ sinh khí phối		1,9	7,6	98,3
19	Vôi (Ca(OH)2)	30 kg	Sát trùng và vệ sinh chuồng		33,4	133,4	1734,4
20	Chlorine (Cl2)	25 kg	Xử lý nước		0,3	1,2	15
21	CTC	25 kg	Phòng bệnh cho heo nái		1,1	4,4	57,4
22	Flopan	5 kg	Phòng bệnh cho heo hậu bị		0,4	1,4	18,3
23	Raccumin (C31H23O3Br)	20g	Diệt chuột		1	4	52
24	Chế phẩm sinh học EM	0,5 kg	Xịt chuồng, ủ phân		15	60	780

(Nguồn: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred)

#### 4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện: trang trại sử dụng nguồn điện tại trạm 110/22kV Vĩnh Cửu. Hệ thống điện hạ thế thống nhất sử dụng điện áp 380/220V ba pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp.

Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ trại heo, với lượng dùng khoảng 1565 KW/tháng

- Lượng điện tiêu thụ cho các mục đích sau:

- + Quạt thông gió chuồng trại;
- +Thắp sáng chuồng trại;
- + Hệ thống làm lạnh cho mỗi trại;
- + Sinh hoạt, thắp sáng;
- + Máy bơm.

#### 4.4. Nhu cầu sử dụng nước:

Hệ thống cấp nước: Công ty đang sử dụng nước giếng khoan để phục vụ nhu cầu chăn nuôi, sinh hoạt, tưới cây và PCCC.

**\* Nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải phát sinh hiện tại:**

Chủ dự án: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred  
Địa điểm: xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

**(1) Nước uống cho heo:**

Theo Sổ tay thực hành VietGAHP trong chăn nuôi lợn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nước uống cho heo nái kho, nái mang thai và heo nọc khoảng 12-25 lít/con/ngày, heo nái đẻ khoảng 25-45 lít/con/ngày, heo con khoảng 0,5-1 lít/ngày.

Tuy nhiên, hiện tại lượng nước uống cho heo nọc, heo nái khô và mang tahi khoảng 25 lít/con/ngày, heo nái đẻ khoảng 45 lít/con/ngày đối với heo nái đẻ và heo con khoảng 0,5 lít/con/ngày.

**(2) Nước sinh hoạt cho công nhân:**

Nhu cầu cấp nước: khoảng 100 lít/người.ngày (bao gồm cả nước sử dụng vệ sinh trước khi vào chuồng trại). Số công nhân trong trại là 40 người.

**(3) Nước tưới cây:**

Theo tiêu chuẩn 4 lít/m<sup>2</sup>. Diện tích cây xanh cần tưới là các cây cảnh dọc đường đi và diện tích cỏ tạo cảnh quan khu hành chính và dọc đường đi. (Theo TCXD VN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về việc cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế).

**(4) Nước làm mát chuồng trại: khoảng 3 m<sup>3</sup>/ngày.**

**(5) Nước phun sát trùng (cho xe ra vào và khách tham quan):**

$$Q = 2 \text{ m}^3/\text{tuần} = 0,285 \text{ m}^3/\text{ngày} \approx 0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

**(6) Nước dùng cho chữa cháy:** Chọn 03 đám cháy xảy ra trong cùng một giờ:  $10 \text{ l/s} \times 3 \times 3.600 \times 1,0$  (hệ số k) = 108 m<sup>3</sup>/ngày. Trong trường hợp khẩn cấp, lượng nước chữa cháy có thể lấy từ ao hồ trong khu đất. Nhu cầu nước chữa cháy chỉ phát sinh khi có hỏa hoạn, xác suất xảy ra hỏa hoạn rất nhỏ nên chỉ tính lượng nước này để tính toán thể tích bể chứa nước ngầm, nhằm đảm bảo đủ nước chữa cháy tại chỗ trong khi chờ lực lượng PCCC chuyên nghiệp đến.

Nhu cầu sử dụng nước chăn nuôi ở thời điểm hiện tại như sau:

**Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước thải hiện tại của trại chăn nuôi**

TT	Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng m <sup>3</sup> /ngày.đêm	Lượng nước thải phát sinh m <sup>3</sup> /ngày.đêm
1	Nước uống heo nọc	1,8	1,44

2	Nước uống cho heo nái mang thai và nái chờ lên giống	93	74,4
3	Nước uống cho heo nái đẻ	42	33,6
4	Nước cho heo con	4,5	2,6
5	Nước tắm rửa cho heo, rửa chuồng trại	86	68,8
6	Nước sinh hoạt cho công nhân	4	4,0
7	Nước tưới cây	12	0
8	Nước làm mát chuồng trại	3	0
9	Nước phun sát trùng xe ra vào, sát trùng người	1	0,8
<b>Tổng cộng</b>		<b>247,3</b>	<b>185,64</b>

Như vậy, tổng lượng nước sử dụng trung bình tại trại chăn nuôi khoảng: 247,3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, lượng nước thải phát sinh khoảng 185,64m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.**

**6. Các thông tin khác liên quan đến dự án (nếu có):**

**6.1. Danh mục máy móc thiết bị tại cơ sở**

Để đáp ứng nhu cầu hoạt động của dự án, Công ty có đầu tư các trang máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở, cụ thể như sau:

**Bảng 1.3. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong trại**

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Hệ thống làm lạnh chuồng trại (mạch điện 3 pha)	Hệ thống	61	Thái Lan
2	Hệ thống điện chiếu sáng chuồng trại (mạch điện 3 pha)	Hệ thống	61	Việt Nam
3	Hệ thống nước uống cung cấp heo	Hệ thống	61	Việt Nam
4	Máng ăn tự động (80Kg)	Cái	450	Việt Nam
5	Bơm nước 3 HP (16 m <sup>3</sup> /h)	Cái	61	Việt Nam
6	Bơm nước 1,5 HP (8m <sup>3</sup> /h)	Cái	2	Việt Nam
7	Xe đẩy chở cám	Cái	15	Việt Nam
8	Máy phun thuốc sát trùng	Cái	10	Việt Nam



*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

9	Dụng cụ bắt heo	Cái	250	Việt Nam
10	Máng ăn đơn 20kg	Cái	462	Việt Nam
11	Quạt hút (Công suất (W): 1100/ lưu lượng gió (m <sup>3</sup> /h):44500/ Tốc độ (rpm): 1400/ Độ ồn (dB): 70/ Trọng lượng (kg): 76000)	Cái	366	Việt Nam
12	Máy phun thuốc sát trùng (Công suất 2,13 KW)	Cái	32	Việt Nam
13	Dụng cụ bắt heo (đây là thiết bị chuyên dụng dùng để khóa mõm lợn, không chế lợn, phục vụ cho việc khám và điều trị bệnh, sản phẩm được làm bằng thép không gỉ, thao tác dễ dàng, hiệu quả cao	Cái	6	Việt Nam
14	Cân điện tử (150 Kg)	Cái	8	Nhật Bản
15	Silo chứa cám bằng inox	Cái	45	Thái Lan
16	Máy phát điện dự phòng sử dụng dầu DO (công suất 150 KVA)	máy	1	Hàn Quốc
17	Trụ điện	Cái	15	Việt Nam
18	Nồi nấu công nghiệp 20kg (Inox)	Cái	2	Việt Nam
19	Ống thoát khí bigas bằng nhựa PVC	m	25	Thái Lan
20	Bạt HDPE dày 1,5mm	m <sup>2</sup>	1.500	Thái Lan

*(Nguồn: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred)*

## **CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):**

Dự án nằm ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu nằm trong quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):**

Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi cùng với nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn 62-MT:2016/BTNMT cột A,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 0,9$  và QCVN 01-14/2010/BTNMT sẽ được dẫn bằng ống nhựa PVC chịu áp lực có đường kính  $\Phi 60$  dẫn về bể tái sử dụng để tuần hoàn vệ sinh chuồng trại, không xả thải ra ngoài môi trường. Vì vậy, nước thải phát sinh từ cơ sở sẽ không làm ảnh hưởng đến sông, suối tiếp giáp với cơ sở. Do đó, cơ sở sẽ không đánh giá khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải.

## **CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

### **1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):**

#### **1.1. Thu gom, thoát nước mưa:**

Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa để đảm bảo chất lượng nguồn nước mưa trong khuôn viên trại và được tách biệt cụ thể như sau:

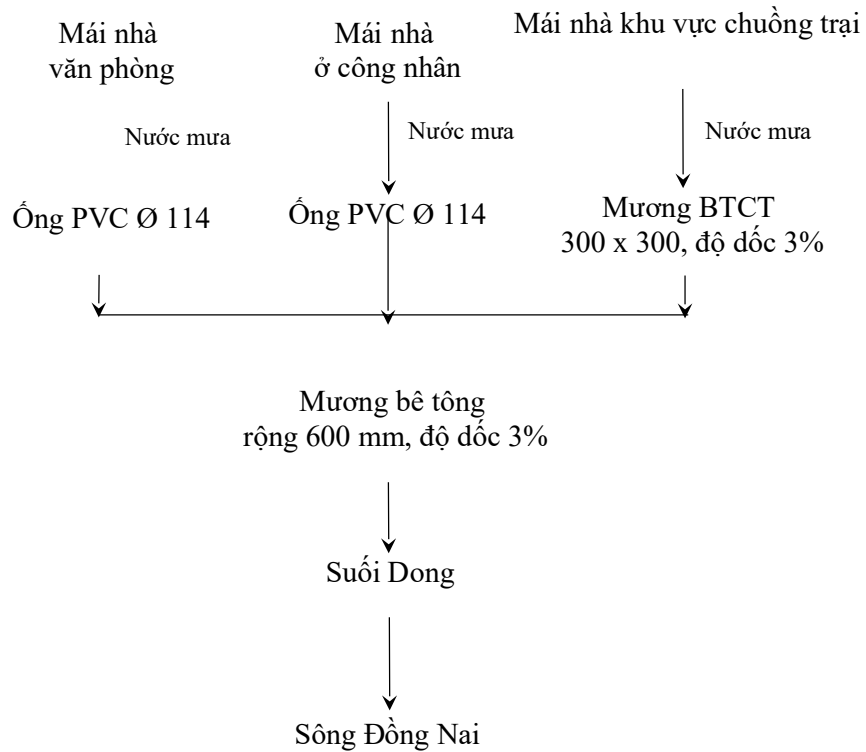
Công trình thoát nước mưa nội bộ của toàn trại chăn nuôi được xây dựng bằng mương xây gạch trát xi măng. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống mương, cống thoát nước thải.

Công trình thoát nước mưa nội bộ của toàn trại chăn nuôi được xây dựng bằng mương xây gạch đập nắp đan bê tông cốt thép. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống mương, cống thoát nước thải.

Nước mưa từ mái nhà văn phòng, nhà ở công nhân, khuôn viên và chuồng trại chăn nuôi,...được thu gom và dẫn bằng các ống nhựa PVC Ø114 xuống hệ thống mương thoát nước mưa được xây gạch, đập nắp đan, BTCT tiết diện hiệu dụng 300 x 300 với tổng chiều dài khoảng 835m, mương thoát nước được thiết kế với độ dốc 3%. Nước mưa từ hệ thống mương thoát nước sẽ chảy ra suối Dong rồi chảy ra sông Đồng Nai bằng phương thức tự chảy.

- Phương thức đầu nổi nước mưa: tự chảy
- Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa:
  - + Hồ ga (1 m x 1m)
  - + Đường ống PVC Ø 114, thoát nước mưa mái nhà đến mương thoát nước.
  - + Mương xây gạch trát xi măng tiết diện hiệu dụng 300 x 300

#### **\* Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa:**



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa

Ngoài ra, Công ty còn bố trí công nhân quét dọn trong trại, thường xuyên nạo vét, dọn dẹp vệ sinh tại các hệ thống mương rãnh thoát nước tránh bị ùn tắc hệ thống thoát nước đồng thời tiếp tục duy trì biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện để đảm bảo chất lượng nguồn nước mưa.

## 1.2. Thu gom, thoát nước thải:

### 1.2.1. Đối với nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt: Trại đã tiến hành xây dựng 06 bể tại 05 khu vực: 01 bể tự hoại tại khu vực nhà kỹ thuật (thể tích 10 m<sup>3</sup>), 01 bể khu vực nhà điều hành (thể tích 10 m<sup>3</sup>), 01 bể tại khu vực nhà ăn (thể tích 10 m<sup>3</sup>), 02 bể tại nhà ở công nhân (thể tích 10 m<sup>3</sup>) và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ. Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên hoạt động tại trại sau khi qua các bể tự hoại xử lý sơ bộ được dẫn ngầm bằng hệ thống ống nhựa PVC chịu áp lực có đường kính  $\Phi$  90mm với tổng chiều dài khoảng 2155m về hệ thống xử lý tập trung tại trại công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.

### 1.2.2. Đối với nước thải chăn nuôi

Công ty xây dựng mạng lưới thu gom nước thải tách riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, bố trí dọc khắp các khu vực chuồng trại và khu vực vệ sinh để

dẫn toàn bộ lượng nước thải phát sinh về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại để xử lý.

- Nước thải chăn nuôi phát sinh từng dãy chuồng, nước tắm heo sau khi xuất chuồng được dẫn bằng mương thoát nước xây gạch có đáy nắp đan bê tông cốt thép dọc các dãy chuồng dẫn tập trung về hố thu gom tập trung được xây bằng gạch, trát vữa. Tại hố thu gom tập trung sẽ được bơm bể Biogas. Nước thải sau khi qua bể Biogas theo đường ống D220 chảy về hồ lắng số rồi bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trại công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bằng đường ống nhựa PVC chịu áp lực có đường kính  $\Phi$  60mm.

Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi của toàn trại có tiết diện hiệu dụng 300 x 300, độ dốc 3% với tổng chiều dài khoảng 1015 m.

Đối với nước sát trùng từ nhà sát trùng xe, người do độ dốc địa hình không bằng phẳng, nước thải ít không đủ chảy về hệ thống. Do đó công nhân sẽ thu gom thủ công và chứa trong các thùng chứa dung tích 70 lít, sau đó đưa về hố gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trại.

Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi cùng với nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 0,9 và QCVN 01-14/2010/BTNMT sẽ được dẫn bằng ống nhựa PVC chịu áp lực có đường kính  $\Phi$  60mm dẫn về hồ tái sử dụng để tuần hoàn vệ sinh chuồng trại, không xả thải ra ngoài môi trường.

Phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý như sau:

- Nước thải sau hệ thống xử lý được chứa trong hồ chứa nước thải bằng bê tông để tuần hoàn tái sử dụng vệ sinh chuồng trại.

- Công ty sử dụng bơm 2 HP và đường ống nhựa PVC đường kính  $\Phi$ 60mm bơm nước thải từ hồ nước thải sau xử lý (hồ tái sử dụng) về chuồng trại để dội rửa, vệ sinh chuồng trại.

**\* Sơ đồ minh hoạt tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của trang trại:**

Nhà vệ sinh

Bể tự hoại

Nước thải từ chăn nuôi heo

Hố thu gom

Bể Biogas

Hồ lắng số 1

Hệ thống xử lý nước thải

Công suất: 500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, Kq = 0,9; Kf = 1,1 và QCVN 01-14/2010/BTNMT

m<sup>3</sup>/ngày.đêm  
Hố tại sử dụng

Vệ sinh chuồng trại, không xả ra ngoài môi trường

### Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án

#### 1.3. Xử lý nước thải:

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.

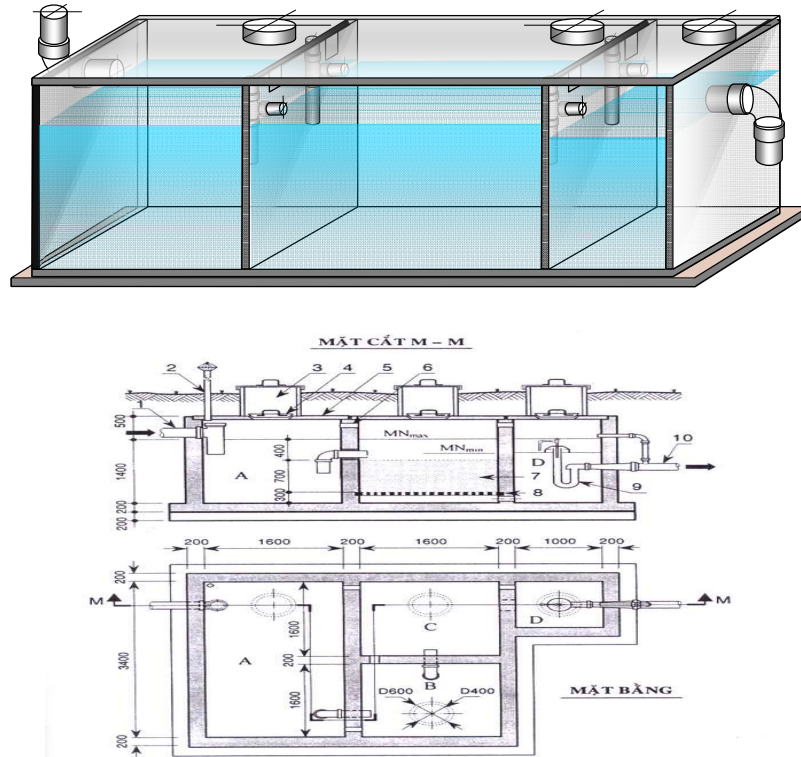
Chức năng của công trình: xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động chăn nuôi đảm bảo chất lượng nước thải được xử lý theo đúng quy định trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận theo đúng quy định

##### 1.3.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Toàn bộ lượng nước thải này được thu gom về 06 bể tự hoại được bố trí tại các nhà vệ sinh trong khu vực trại với tổng thể tích là 60 m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý tập trung tại trại.

- Đã xây dựng 06 bể tự hoại ba ngăn để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại các khu vực: 01 bể tự hoại tại khu vực nhà kỹ thuật (thể tích 10 m<sup>3</sup>), 01 bể khu vực nhà điều hành (thể tích 10 m<sup>3</sup>), 01 bể tại khu vực nhà ăn (thể tích 10 m<sup>3</sup>), 02 bể tại nhà ở công nhân (thể tích 10 m<sup>3</sup>) và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ, sau đó được dẫn bằng ống nhựa PVC chịu áp lực có đường kính  $\Phi$  90mm về hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 500 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

**\* Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại như sau:**



Hình 3.3. **Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại**

A: Ngăn tự hoại (ngăn thứ nhất) B: Ngăn lắng (ngăn thứ hai)

C: Ngăn lọc (ngăn thứ ba), D: Ngăn định lượng với xi phong tự động

1 - Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại; 2 - Ống thông hơi; 3 - Hộp bảo vệ; 4 - Nắp để hút cặn; 5 - Đan bê tông cốt thép nắp bể; 6 - Lỗ thông hơi; 7 - Vật liệu lọc; 8 - Đan rút nước; 9 - Xi phong định lượng; 10 - Ống dẫn nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

**\* Nguyên lý hoạt động**

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được dẫn đến hệ thống bể xử lý tự hoại, thông qua các ống nhựa PVC chịu áp lực có đường kính  $\Phi 168$ ,  $\Phi 114$ ,  $\Phi 90$  và  $\Phi 60$ . Bể tự hoại là một công trình đồng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Để hợp lý trong xây dựng và sử dụng, bể tự hoại được thiết kế và xây dựng thành nhiều bể (mỗi bể đều có 3 ngăn) có kích thước phù hợp và tương ứng với lượng công nhân tại từng bộ phận khác nhau trong trại. Khi nước thải đổ vào bể sẽ được giữ lại ở ngăn thứ I. Tại đây các chất rắn lơ lửng có kích thước lớn được giữ lại và phần nước tiếp tục qua ngăn thứ II, ở ngăn thứ II nước được giữ ổn định trong một thời gian, để tiếp tục lắng các chất lơ lửng có kích thước hạt nhỏ. Mặt khác nước chứa trong bể tự hoại, dưới sự ảnh hưởng của các

vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải được giữ trong bể tự hoại trong một thời gian nhất định, để đảm bảo hiệu suất lắng cũng như phân hủy sau đó nước thải tiếp tục được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của trại.

**Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại của trang trại**

STT	Tên thiết bị	Thông số thiết kế	Đặc điểm
1	Bể tự hoại số 1	Thể tích 10 m <sup>3</sup> ; BTCT (01 bể)	Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà kỹ thuật
2	Bể tự hoại số 2	Thể tích 10 m <sup>3</sup> ; BTCT (01 bể)	Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà điều hành
3	Bể tự hoại số 3	Thể tích 10 m <sup>3</sup> ; BTCT (01 bể)	Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà ăn
4	Bể tự hoại số 4	Thể tích 10 m <sup>3</sup> ; BTCT (01 bể)	Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại bể tại nhà ở công nhân
5	Bể tự hoại số 5	Thể tích 10 m <sup>3</sup> ; BTCT (01 bể)	
6	Bể tự hoại số 6	Thể tích 10 m <sup>3</sup> ; BTCT (01 bể)	Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà bảo vệ

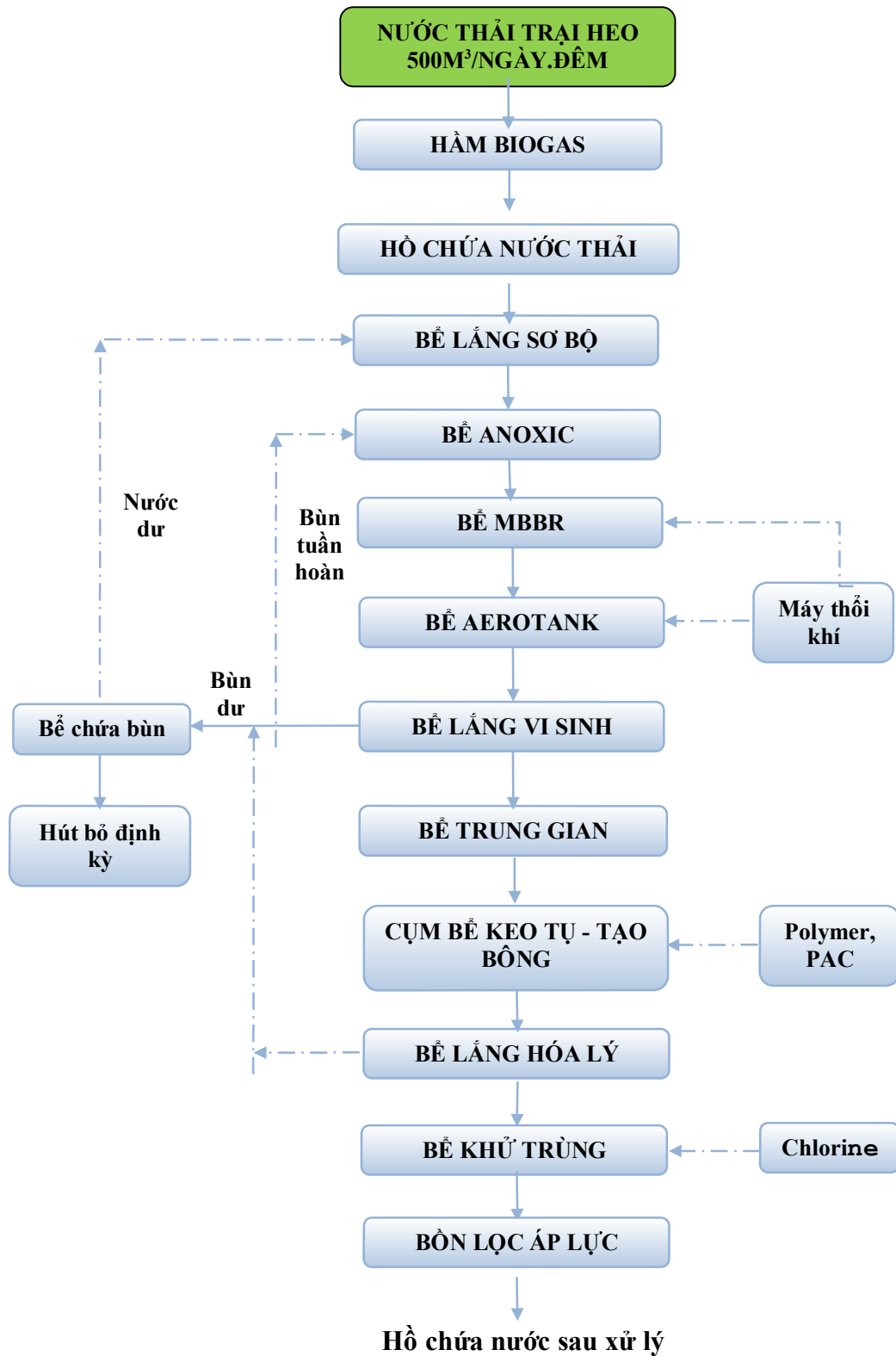
(Nguồn: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred)

### 1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi tập trung tại trại

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của trại. Do đó, khi trại hoạt động hết Công suất chăn nuôi tối đa thì hệ thống xử lý nước thải vẫn đảm bảo Công suất tiếp nhận và xử lý của hệ thống. Nước thải sau khi xử lý đạt theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>r</sub> = 0,9 và QCVN 01-14/2010/BTNMT sẽ lưu chứa tại hồ tái sử dụng để tuần hoàn vệ sinh chuồng, không xả thải ra ngoài môi trường.

#### \* Quy trình công nghệ xử lý nước thải:





Hình 3.4. Hệ thống xử lý nước thải, công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày

\* *Thuyết minh quy trình:*

## **Hầm Biogas**

Nước thải trại chăn nuôi heo công suất 500m<sup>3</sup>/ngày.đêm theo hệ thống đường ống thoát nước chảy về hầm Biogas. Tại đây, nước thải được lưu lại với thời gian khoảng 30-45 ngày để phân hủy kỵ khí. Nước thải sau khi qua hầm Biogas thì được đưa qua bể lắng sơ bộ.

### **Bể lắng sơ bộ**

Bể lắng sơ bộ có tác dụng tách phân của bể biogas tràn qua sau đó đưa qua bể Anoxic.

### **Bể sinh học thiếu khí Anoxic**

Trong nước thải tồn tại 1 lượng nitơ chủ yếu tồn tại dưới dạng hợp chất hữu cơ và amoniac. Tại đây, các vi khuẩn trong môi trường yếm khí sẽ sử dụng các chất dinh dưỡng trong hợp chất hữu cơ làm thức ăn để tăng trưởng và phát triển, đồng thời với quá trình đó là quá trình khử nitrat và nitrit bằng cách lấy oxy từ chúng và giải phóng ra nitơ tự do và nước. Bể có nhiệm vụ xử lý hàm lượng Nitơ dưới dạng Nitrat có mặt trong nước thải.

### **Bể sinh học hiếu khí MBBR**

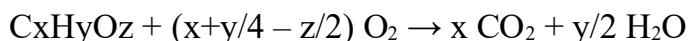
MBBR là từ viết tắt của cụm Moving Bed Biofilm Reactor, được mô tả một cách dễ hiểu là quá trình xử lý trong đó sử dụng các vật làm giá thể cho vi sinh dính bám vào để sinh trưởng và phát triển.

Công nghệ MBBR là công nghệ mới nhất hiện nay trong lĩnh vực xử lý nước thải vì tiết kiệm được diện tích và hiệu quả xử lý cao. Các giá thể biochip nhẹ hơn nước đảm bảo điều kiện lơ lửng được. Các giá thể này luôn chuyển động không ngừng trong toàn thể tích bể nhờ các thiết bị thổi khí. Qua đó thì mật độ vi sinh ngày càng gia tăng, hiệu quả xử lý ngày càng cao.

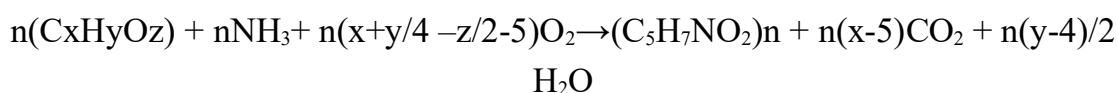
### **Bể sinh học hiếu khí Aerotank**

Nước thải được đưa vào bể sinh học hiếu khí, trong bể có lắp đặt thiết bị đĩa cung cấp khí cho quá trình hoạt động hiếu khí của vi sinh. Bể sinh học hiếu khí được bố trí cơ cấu phân phối nước cũng như không khí. Các vi sinh vật có trong nước thải sẽ oxy hóa các chất hữu cơ, sử dụng chúng làm nguồn dinh dưỡng và năng lượng. Chất hữu cơ được tách ra khỏi nước thải, còn khối lượng vi sinh tăng lên. Quá trình xảy ra trong bể hiếu khí là phân hủy cơ chất đầu vào và nitrat hóa. Ngoài ra, các vi sinh vật trong lớp màng vi sinh sẽ nitrit hóa Nitơ, Amoni. Các quá trình sinh học xảy ra trong bể vi sinh hiếu khí:

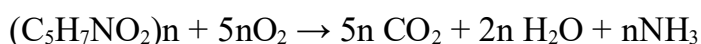
- Oxy hóa các chất hữu cơ



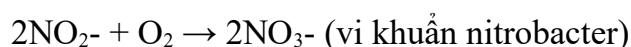
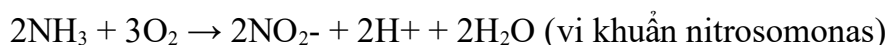
- Tổng hợp sinh khối tế bào



- Tự oxy hóa vật liệu tế bào (phân hủy nội bào)



- Quá trình nitrit hóa



Tổng phản ứng oxy hóa amoni:



### **Bể lắng vi sinh**

Nước thải sau khi ra khỏi bể vi sinh hiếu khí tự chảy vào ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 28-30mm/s nhằm phân phối đều nước thải trong vùng lắng của bể lắng, nước thải ra khỏi ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 0.5 - 0.8mm/s. Quá trình lắng là lắng đứng, nước vận chuyển từ dưới lên, cặn bùn có tỷ trọng lớn lắng xuống đáy bể. Bùn thu được bơm tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí nhằm duy trì mật độ vi sinh cho bể, một phần được đưa về bể điều hòa nhằm tăng khả năng xử lý nước thải. Phần bùn dư được bơm thải bỏ vào bể chứa bùn, phần nước trong thu gom trên bề mặt bể lắng và tự chảy vào bể trung gian.

### **Bể trung gian**

Nhiệm vụ của bể trung gian là thu gom nước thải từ bể lắng sinh học, giúp ổn định tính chất trước khi nước thải được bơm qua bể keo tụ - tạo bông.

### **Cụm bể keo tụ - tạo bông**

Nước thải được bơm chìm bơm từ bể trung gian qua bể keo tụ. Tại đây sẽ được bổ sung thêm hệ hóa chất keo tụ PAC, Polymer và NaOH để điều chỉnh pH. PAC là tác nhân có khả năng làm gắn kết các chất bẩn ở dạng hòa tan thành

bông cặn, dưới tác dụng của Polymer các bông cặn li ti sẽ kết lại thành các bông có kích thước lớn hơn.

Sau khi qua cụm bể keo tụ - tạo bông, nước thải sẽ giảm được độ màu, khử mùi hôi, xử lý một phần COD và BOD. Sau đó, nước thải được đưa qua bể lắng hoá lý.

### **Bể lắng hóa lý**

Tại đây các bông cặn hóa lý tạo ra từ quá trình keo tụ - tạo bông được lắng xuống. Lượng bùn sinh ra được đưa về bể chứa bùn để đem đi xử lý.

### **Bể khử trùng**

Là giai đoạn loại bỏ vi khuẩn và virus gây bệnh chứa trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Bể khử trùng được thiết kế đảm bảo thời gian lưu nước để loại bỏ hết vi sinh gây bệnh. Hóa chất Chlorine được châm vào bể nhờ bơm định lượng, Chlorine là chất oxy hóa mạnh có khả năng loại bỏ hầu hết các vi khuẩn gây bệnh.

### **Bồn lọc áp lực**

Nước thải từ bể khử trùng được bơm lên bồn lọc áp lực để được xử lý tinh triệt để, các chất rắn không tan và tan đều được giữ lại khi nước đi qua các lớp vật liệu lọc, nước trở nên sạch hơn sau khi qua hệ thống. Nước thải đầu ra đạt chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A .

- Hồ chứa nước sau xử lý (hồ tái sử dụng):

Nước thải sau khi xử lý đạt theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 0,9$  và QCVN 01-14/2010/BTNMT sẽ được lưu chứa tại hồ tái sử dụng có lót bạt chống thấm. Tại nước thải sẽ được tuần hoàn, tái sử dụng để vệ sinh chuồng trại, không xả thải ra ngoài môi trường.

### **\* Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:**

Người vận hành cần kiểm tra các thiết bị trong hệ thống và phải chắc chắn các thiết bị vẫn hoạt động bình thường, cụ thể:

+ Kiểm tra các role, cầu chì trong tủ điều khiển: bảo đảm các thiết bị này vẫn hoạt động bình thường, không có hiện tượng cháy, nổ.

+ Kiểm tra sự vận hành của van (mở hoặc đóng) của bơm, của máy thổi khí.

+ Kiểm tra điện cấp cho hệ thống.

+ Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.

- Khởi động hệ thống:

Sau khi kiểm tra và cấp nguồn, người vận hành bắt đầu khởi động các thiết bị điều khiển của hệ thống.

Nhấn nút START/STOP tương ứng từng bơm để bơm chạy/dừng.

- Kiểm soát bảo trì.

Việc kiểm soát bảo trì hằng ngày của hệ thống xử lý nước rất quan trọng. Thực hiện bảo trì theo loại thiết bị hay theo cấp độ, điều này tùy thuộc vào mức độ ưu tiên bảo trì của từng thiết bị và dụng cụ. Một hư hỏng nhỏ về cơ khí cũng làm giảm khả năng xử lý hay thậm chí còn có ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hệ thống. Một hệ thống chạy tự động cũng không ngoại lệ; do đó việc bảo trì hằng ngày đòi hỏi phải chính xác và có kiến thức đầy đủ về khả năng vận hành và giới hạn của hệ thống.

Chuẩn bị một bảng tập trung những điểm chính cần kiểm tra trước khi thực hiện việc bảo trì, và thiết lập tiêu chuẩn để kiểm soát bảo trì hệ thống dựa trên những số liệu báo cáo theo dõi hằng ngày.

Đối với những hạng mục mà khi kiểm tra buộc phải dừng hệ thống thì ta cần phải xem xét tính cần thiết của việc bảo trì hằng ngày và xây dựng kế hoạch cho việc kiểm tra hằng năm đối với những thiết bị đó.

**\* Hóa chất sử dụng cho hệ thống:**

**Bảng 3.2. Lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải**

Stt	Tên Hóa Chất	Số Lượng	Đơn Vị
1	PAC	62	Kg/tháng
2	Polimer	57	Kg/tháng
3	Clorin	56	Kg/tháng

**\* Điện năng sử dụng cho hệ thống:**

**Bảng 3.3. Lượng điện sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải**

TT	Hạng mục	Công suất điện dự kiến (KW/tháng)
----	----------	-----------------------------------

1	Hệ thống xử lý nước thải	1052
---	--------------------------	------

**\* Tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý:**

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải, công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đạt tiêu chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 0,9 và QCVN 01-14/2010/BNNPTNT.

**2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):**

Hoạt động chăn nuôi của trang trại sẽ phát sinh mùi từ quá trình chăn nuôi, bụi khí thải do hoạt động giao thông. Các nguồn phát sinh nước thải cụ thể như sau:

**2.1. Giảm thiểu mùi từ hoạt động chăn nuôi**

Mùi và các loại côn trùng truyền bệnh (ruồi, nhặng) là hai vấn đề đáng quan tâm nhất trong lĩnh vực chăn nuôi. Nếu như mùi hôi được khắc phục thì sẽ giảm được sự phát triển của các loại côn trùng và từ đó cải thiện điều kiện môi trường của khu vực chăn nuôi.

Phương pháp xử lý mùi hôi từ khu vực chuồng trại và hồ chứa nước thải trước xử lý như sau:

Công ty sử dụng thuốc khử trùng (SVT-Antisep) để diệt côn trùng và sát trùng chuồng trại hằng ngày nhằm giảm thiểu mùi hôi, vệ sinh thường xuyên khu vực xung quanh chuồng trại, trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng trại.

- Đảm bảo công tác vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, không để lại phân và nước tiểu trong chuồng cũng như trong rãnh thoát phân, tiến hành vệ sinh chuồng trại hằng ngày nhằm tránh hiện tượng tồn đọng chất thải, tránh vi sinh vật phân hủy chất thải ngay trong chuồng.

Chuồng trại được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, tấm làm mát để cung cấp đầy đủ lượng không khí và ổn định nhiệt độ, đảm bảo không ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của heo.

Trại chăn nuôi xây dựng hầm biogas kết hợp với hồ chứa nước thải trước xử lý để xử lý phân, do đó chất hữu cơ trong nước thải sau khi qua biogas đã bị phân hủy gần hết nên khi vào hồ chứa nước thải trước xử lý mùi sinh ra giảm đáng kể.

Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng của mùi hôi, chủ đầu tư dự án thực hiện các biện pháp sau:

Xây dựng tường gạch cao xung quanh khu đất dự án để hạn chế mùi hôi thải ra ngoài môi trường xung quanh.

Trang bị khẩu trang cho công nhân làm việc tại khu chăn nuôi.

Tất cả các phương tiện vận chuyển gia súc đều được vệ sinh sạch sẽ, tránh tình trạng phân hoặc nước tiểu ứ đọng trên xe.

Tiến hành phun xịt thuốc khử trùng để giảm thiểu mùi hôi, ngăn ruồi nhặng. Sử dụng các chất khử mùi nằm trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, cấm sử dụng ở Việt Nam, Công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam theo Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021.

- Vệ sinh thường xuyên khu vực xung quanh chuồng trại
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng trại nhằm tạo dải phân cách, lọc mùi và tăng vẻ mỹ quan.

**\* Biện pháp xử lý mùi sau hệ thống quạt gió:**

- Để giảm mùi hôi trong chuồng trại chăn nuôi, chuồng sẽ được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió để cung cấp đầy đủ lượng không khí cần thiết đảm bảo pha loãng các khí ô nhiễm sinh ra từ quá trình phân hủy phân và nước tiểu trong chuồng trại khi chưa được dọn dẹp.

- Bên cạnh đó, để giảm mùi hôi trong thức ăn, việc cho heo ăn được tự động hóa trong quá trình nhập cám, với hệ thống nhập cám tự động bằng dòng khí động. Cám từ xe vận chuyển sẽ được hút tự động bằng đường ống vận chuyển về các silo cám bằng hệ thống hút tự động bằng dòng khí nén trong quá trình vận chuyển đến khâu cho heo ăn nhằm giảm thiểu bụi, mùi phát sinh ra môi trường, đảm bảo đạt quy chuẩn từ quá trình vận chuyển thức ăn vào silo. Thức ăn đưa về kho cám sau đó sẽ được phân phối về các silo cám và từ silo cám sẽ tự động vận chuyển về máng ăn của các chuồng nuôi.

- Tuy nhiên trong khi thiết kế cần phải có những dự tính trước khi thời tiết thay đổi đột ngột (nóng, lạnh), luôn giữ ổn định không khí trong chuồng trại và không phụ thuộc không khí bên ngoài tránh những tác động xấu đến gia súc nuôi, đồng thời có thể tận dụng tối đa khả năng thông gió tự nhiên cho chuồng trại.

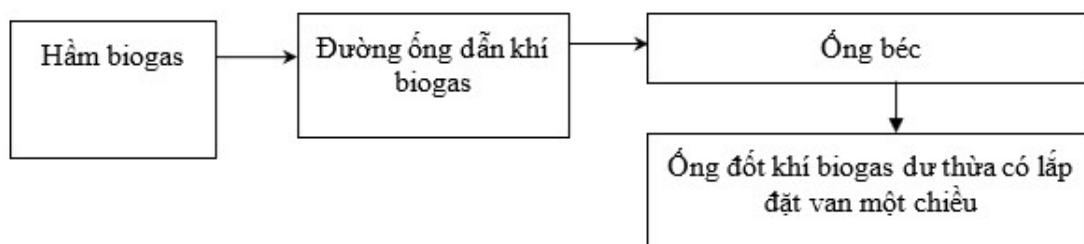
- Tấm làm mát sẽ được gắn ở phía trên mái để giảm nhiệt độ trực tiếp từ mái tôn xuống chuồng.

- Lắp đặt 48 quạt hút sau mỗi dãy chuồng trại với công suất 1100W để hút cưỡng bức không khí trong chuồng trại giảm thiểu mùi hôi sau quạt hút của các dãy chuồng trại.

**\* Biện pháp xử lý mùi từ hầm Biogas**

Khí thu từ hầm Biogas qua một hầm thu khí nhằm tách nước, hầm được lót đáy và bao phủ bằng bạt HDPE. Phần khí gas sẽ được xả định kỳ thông qua van xả được gắn tại bể Biogas.

Sơ đồ nguyên lý đốt khí biogas:



Hình 3.5. Hình Sơ đồ nguyên lý đốt khí biogas

**\* Đối với mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải:**

Khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động tốt (đặc biệt là khâu xử lý vi sinh) thì mùi hôi phát sinh không đáng kể, ngược lại khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động không tốt (đặc biệt khi vi sinh bị chết) thì sẽ phát sinh mùi hôi lớn. Để khắc phục bộ phận phụ trách môi trường sẽ thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải có hoạt động ổn định không, nhất là giai đoạn xử lý bằng phương pháp vi sinh, nếu mùi hôi phát sinh nhiều ở hệ thống xử lý nước thải thì chủ dự án sẽ liên hệ với các đơn vị chuyên phụ trách sửa chữa hệ thống xử lý nước thải để khắc phục kịp thời.

**2.2. Giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải do giao thông**

Mức độ ô nhiễm của khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ngoài việc phụ thuộc vào chủng loại nhiên liệu sử dụng còn phải phụ thuộc vào động cơ của các phương tiện. Nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng do ô nhiễm của khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

+ Công ty sẽ bê tông hóa đường giao thông nội bộ và thường xuyên vệ sinh nhằm giảm lượng bụi phát tán vào không khí.

+ Phun nước, tạo ẩm sân bãi nhằm giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trại nhất là vào mùa nắng.



+ Yêu cầu các xe lưu thông trong khuôn viên trại phải giảm tốc độ <10km/h.

+ Đối với các phương tiện vận chuyên thuộc tài sản của trại, Công ty tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải và sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

+ Trồng nhiều cây xanh xung quanh trại nhằm tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Ưu tiên trồng cây xanh có tán dày để có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hoà các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

### 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

#### 3.1. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở được trình bày tại bảng sau.

**Bảng 3.4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Pallet gỗ hư hỏng	09 01 02	135	TT-R
2	Bao bì, thùng carton, giấy loại bỏ từ văn phòng	09 03 04	315	TT
3	Bao bì đựng thức ăn, bao bì đựng cám	18 01 11	3500	TT-R
4	Phân heo	14 01 12	5.036.000	TT
5	Heo chết không do dịch bệnh	-	4400	-
6	Hộp chứa mực in (mực in văn phòng)	08 02 08	4	TT
<b>Tổng cộng</b>			<b>5.044.354</b>	

(Nguồn: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred)

#### \* Ghi chú:

Heo chết không do dịch bệnh: Theo số liệu hiện tại của cơ sở khoảng 2 ngày sẽ chết 1 con heo với trọng lượng khoảng 45kg/con. Như vậy 1 tháng lượng heo chết không do dịch bệnh khoảng 15 con/tháng tương đương 225 kg/tháng.

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được trình bày tại bảng sau.

**Bảng 3.5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	5.200
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	2.300
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	850
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>8.350</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred)

### 3.2. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Công ty đã xây dựng 01 khu lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông có diện tích khoảng 40m<sup>2</sup> và được dán cảnh báo chất thải với dung tích thùng chứa 120 lít để lưu chứa chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh tại trại.

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Công ty đã xây dựng 01 khu lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông có diện tích khoảng 40 m<sup>2</sup> và được dán cảnh báo chất thải với dung tích thùng chứa 120 lít để lưu chứa chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh tại trại.

Trại có bố trí các thùng nhựa có nắp đậy kín các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom) đặt tại nơi phát sinh như: nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà công nhân, văn phòng... Vào cuối ngày làm việc, nhân viên mang các túi nylon chứa rác sinh hoạt về kho chứa chất thải thông thường có diện tích khoảng 40 m<sup>2</sup>. Định kỳ khoảng 2 ngày/lần sẽ chuyển giao cho đơn vị thu gom chất thải sinh hoạt thu gom theo đúng quy định.

### 3.2.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Trại có bố trí các thùng nhựa có nắp đậy kín các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom) đặt tại nơi phát sinh như: nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà công nhân, văn phòng... Vào cuối ngày làm việc, nhân viên mang các túi nylon chứa rác sinh hoạt về kho chứa chất thải thông thường có diện tích khoảng 40 m<sup>2</sup>. Định kỳ khoảng 2 ngày/lần sẽ chuyển giao cho đơn vị thu gom chất thải sinh hoạt thu gom theo đúng quy định.

### 3.2.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

Các loại chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động tại trại bao gồm: Giấy vụn, palet nhựa hư, bao bì đựng thức ăn, bao bì đựng cám, phân heo... sẽ được thu gom, vận chuyển về khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích khoảng 40m<sup>2</sup>.

- **Đối với heo chết không do dịch bệnh:** trại đã đầu tư lò 01 hố hủy xác có thể tích khoảng 85 m<sup>3</sup>. Hố hủy xác có kết cấu hình chữ nhật, được cấu tạo bằng gạch kết hợp khung sắt, tường thành hố hủy xác xây gạch tô 2 mặt quét hồ dầu chống thấm, mặt nắp hố được đổ bê tông cốt thép.

Quy trình xử lý heo chết không do dịch bệnh như sau: Heo chết không do dịch bệnh được cho vào bao tải, buộc chặt miệng bao, tập trung một chỗ để phun thuốc sát trùng trước khi đưa đến hố hủy xác. Trước khi tiêu hủy rải một lớp vôi bột xuống đáy hố (1kg/m<sup>2</sup>), cho heo chết không do dịch bệnh xuống hố, rắc vôi bột lên trên để hoàn tất quá trình tiêu hủy, sau đó đậy kín nắp hố. Định kỳ ta sẽ phun thuốc sát trùng 2lần/tuần khu vực xung quanh tại hố hủy xác.

- **Đối với phân heo:** Trại đã đầu 01 nhà để phân, để thực hiện lưu chứa phân phát sinh trong quá trình chăn nuôi. Nhà chứa phân có diện tích khoảng 100m<sup>2</sup>. Kết cấu công trình khung kèo tổ hợp lợp tôn, tường bao che xây gạch, nền láng xi măng chống thấm, có mái che.

## 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

### 4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Bảng tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án cụ thể:

**Bảng 3.6. Bảng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng	Ký hiệu phân loại
-----	---------------	---------	--------------------	------------	-------------------

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

			(rắn/lỏng/bùn)	phát sinh (kg/năm)	
1	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	Rắn	536	KS
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Rắn	1115	-
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	Rắn	625	NH
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (hóa chất, thuốc thú y, thuốc sát trùng hết thời hạn,...)	13 02 02	Rắn/lỏng	164	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	72	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	86	KS
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	67	KS
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	89	KS
9	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 04	Rắn	51	KS
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	302	KS
11	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	4	NH
<b>Tổng</b>				<b>3.112</b>	

(Nguồn: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred)

**\* Ghi chú:**

KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát Cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTCNTT.

NH: Chất thải nguy hại.

Đối với các mã CTNH phân loại được kiểm soát theo CTNH hoặc CTCNNTT, Công ty cam kết sẽ thực hiện phân định chất thải hoặc định kỳ thu mẫu trước khi chuyển giao theo chất thải thông thương, đảm bảo kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành.

#### **4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại**

Công ty đã bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 25 m<sup>2</sup>. Kết cấu nhà chứa có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông, có rãnh và hố ga thu gom chất thải lỏng trong thường hợp chảy tràn và bố trí thiết bị chuyên dụng để lưu chứa, phân loại chất thải nguy hại có thực hiện dán nhãn, mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại để lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại trại.

- Biện pháp quản lý chất thải nguy hại đang áp dụng tại trại như sau:

+ Thuốc thú y, vaccine hết hạn, chai lọ được chứa trong khu lưu giữ chất thải nguy hại dành riêng cho các loại chai lọ, thuốc vaccine, hóa chất hết hạn sử dụng tại kho lưu chứa chất thải.

+ Đối với các loại chất thải nguy hại khác như: hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, kim tiêm, giẻ lau: được chứa trong thùng chứa riêng và chuyển về lưu trữ trong kho chứa chất thải.

+ Các loại chất thải nguy hại có khả năng tràn đổ được chứa trong thùng có nắp đậy và dán nhãn cảnh báo đảm bảo không để tràn đổ ra bên ngoài môi trường.

+ Đảm bảo có sẵn thông tin về vật liệu sử dụng trong trường hợp có tai nạn.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: khi số lượng bùn thải phát sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

+ *Đối với xác heo chết do dịch bệnh*: khi xảy ra dịch bệnh, Chủ dự án sẽ báo cáo với Ban Chỉ đạo phòng chống dịch hại vật nuôi địa phương theo đúng hướng dẫn của Ngành Nông nghiệp, đồng thời thực hiện xử lý xác heo chết do dịch bệnh theo hướng dẫn của chính quyền và cơ quan thú y địa phương để có biện pháp xử lý thích hợp, đúng quy định và để tìm nguyên nhân gây bệnh, phòng chống dịch bệnh lây lan. Quá trình xử lý theo đúng quy định tại Luật thú y 2015, Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y.

## **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có);**

### **5.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.**

Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện, quạt hút, máy bơm nước thải,... chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Hoàn thiện công nghệ: Trại đã bố trí buồng cách âm với lớp vật liệu hút âm ở mặt trong đối với khu vực đặt máy phát điện; thiết kế khu vực đặt máy bơm cách ly với khu vực tập trung công nhân.

+ Đối với tiếng ồn do heo kêu: đây là đặc trưng của hoạt động chăn nuôi, tuy nhiên do khu vực dự án cách xa khu dân cư, nên mức độ ảnh hưởng là không đáng kể. Chủ dự án sẽ thực hiện một số biện pháp nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh như sau:

+ Phân cụm chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực văn phòng.

+ Cho heo ăn đúng giờ.

+ Hạn chế vận chuyển heo vào ban đêm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

+ Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên trại cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

+ Hiện tại trại đã lắp đặt các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong các thiết bị tại trang trại

- Quy chuẩn áp dụng đối với tiếp ồn: QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn –Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Quy chuẩn áp dụng đối với độ rung: QCVN 27:2017/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, bố trí máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

+ Đối với hầm biogas: thường xuyên theo dõi, vệ sinh hầm biogas và thực

hiện nạo vét, sửa chữa định kỳ hệ thống đường ống, ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời cũng như bảo đảm an toàn cho trại chăn nuôi. Định kỳ phải tiến hành hút cặn từ hầm biogas. Cặn được hút lên sẽ được gom về khu chứa phân và sau giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

+ Đối với HTXL nước thải: Hệ thống xử lý nước thải khi gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được bơm ngược về hồ lắng sủi có lót bạt HDPE để lưu chứa, đảm bảo không thải nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường với thời gian lưu chứa > 24 h. Khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa và khắc phục xong nước thải được lưu chứa tại hồ chứa nước thải sẽ được bơm ngược về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thông thường và chất thải nguy hại:

+ Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại riêng biệt, cách ly với các khu vực khác trong trại.

+ Xây dựng kho lưu giữ có mái che, nền bê tông, tường chắn nhằm hạn chế khả năng nước mưa tạt vào kho cuốn theo các chất thải gây ô nhiễm môi trường.

➤ Đối với kho chứa chất thải không nguy hại (phân heo):

+ Bố trí kho lưu giữ chất thải riêng biệt, cách ly với các khu vực khác trong trại.

+ Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, nền bê tông, tường chắn.

+ Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ đầu tư đã hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

## **7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):**

### **7.1. Phòng chống cháy nổ và phòng cháy chữa cháy.**

Để phòng ngừa sự cố cháy nổ, Công ty đã trang bị hệ thống PCCC. Hệ thống bao gồm: hệ chữa cháy ngoài chuồng trại, hệ vách tường trong nhà và hệ chữa cháy bơm bột tự động. Ngoài ra còn có trang bị hệ thống bình chữa cháy bằng tay theo quy định của Tiêu chuẩn phòng cháy Việt Nam.

Mạng đường ống cấp nước chữa cháy bên ngoài được thiết kế theo kiểu mạng vòng, sử dụng ống HDPE-DN250, được chôn ngầm dưới đất với độ sâu 1m tính từ tâm ống. Mạng đường ống nhận nước từ đường cấp DN300 của phòng bơm và cung cấp nước đến các địa điểm sau: khu chuồng trại, kho, văn phòng, khu lưu giữ rác thải, khu nhà ăn, mạng đường ống được chia làm hai nửa để thuận tiện cho công tác bảo dưỡng và để thuận tiện cho việc lắp đặt thêm trong tương lai, có 2 van khóa ở hai đầu kết nối của mạng đường ống.

Công ty đã lắp đặt hệ thống cung cấp nước chữa cháy vách tường, được trang bị lăng, vòi đầy đủ. Bình chữa cháy xách tay các loại được bố trí ở những nơi có nguy hiểm về cháy nổ.

Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được bảo đảm, hệ thống bơm chữa cháy được lắp đặt theo đúng thiết kế kỹ thuật. Bể chứa nước cứu hỏa phải luôn đạt yêu cầu, đường ống dẫn nước đến các họng lấy nước cứu hỏa luôn ở tình trạng sẵn sàng làm việc.

Tất cả các hạng mục công trình trong hệ thống ống dẫn đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa bao gồm thùng CO<sub>2</sub>, vật dập lửa. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động của các phương tiện này.

Các máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động và trong công tác phòng cháy đều có lý lịch kèm theo và sẽ được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật. Bên cạnh đó các thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt đều phải được kiểm định và kiểm tra.

Khi xử lý sự cố rò rỉ không được sử dụng các vật liệu bằng kim loại do có thể va chạm sinh tia lửa gây cháy.

Tổ chức ý thức phòng cháy chữa cháy tốt cho cán bộ công nhân viên, các công việc triển khai cụ thể như sau:

Người đang làm nhiệm vụ bảo đảm vị trí, giữ gìn trật tự lưu thông trong khu vực và báo cáo tình hình nếu có sự cố cháy cho cơ quan chuyên nghiệp để chữa cháy.

Lực lượng bảo vệ còn lại triển khai đội hình chữa cháy theo chỉ đạo của người chỉ huy.

Nhân viên vận hành nhanh chóng cách ly (đóng van, sơ tán) những chất có



khả năng gây cháy nổ khác gần đám cháy có nguy cơ cháy lan.

Phối hợp chặt chẽ với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên như: tài liệu, băng rôn, biển hiệu đề phòng sự cố cháy.

Huấn luyện trong toàn thể cán bộ và nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Nội dung chính về huấn luyện chuyên môn, kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ theo quy định. Định kỳ phối hợp với Đội Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức huấn luyện kỹ năng, đồng thời diễn tập công tác PCCC và CNCH tại Công ty.

Quan tâm, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cá nhân. Đặc biệt là các quy định an toàn, phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các quy định an toàn về môi trường và phòng cháy chữa cháy.

## **7.2. Biện pháp phòng chống dịch bệnh.**

Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo đúng Thông tư số 07/2016/TT-BNTMT ngày 31/5/2016 Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, cụ thể như sau:

- Thực hiện các biện pháp phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh, giám sát và khống chế dịch bệnh cho heo tại trại.

- Thực hiện việc kiểm dịch và kiểm tra vệ sinh thú y đối với heo tại trại.

- Thực hiện việc kiểm dịch và kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ và thường xuyên.

- Xây dựng vùng cách ly, các chương trình khống chế một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của heo và các bệnh của heo có thể lây sang người.

- Sử dụng thuốc thú y, thuốc khử trùng, hóa chất dùng trong thú y có trong danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, cấm sử dụng ở Việt Nam, Công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam theo Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021.

- Thực hiện đúng hướng dẫn sử dụng hoặc chỉ dẫn của bác sỹ, kỹ thuật viên của cơ quan thú y, người được phép lưu hành nghề thú y.

- Chuồng trại được vệ sinh, khử trùng tiêu độc, diệt mầm bệnh các loài động vật trung gian truyền bệnh cho heo theo chế độ định kỳ và sau mỗi đợt

nuôi.

- Dụng cụ dùng trong chăn nuôi phải được vệ sinh trước khi đưa vào sử dụng.

- Con giống phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về giống vật nuôi, không mang mầm bệnh truyền nhiễm đã được kiểm dịch và áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc.

- Thức ăn chăn nuôi phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, không gây hại cho động vật và người sử dụng sản phẩm động vật.

- Nước sử dụng cho chăn nuôi phải sạch, không gây bệnh cho heo sạch.

- Các con giống đưa ra các chuồng nuôi phải khỏe mạnh, không mang mầm bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng gây bệnh nguy hiểm.

- Khu nuôi cách ly heo bệnh phải có khoảng cách nhất định đảm bảo an với khu cách ly heo sạch bệnh: bố trí cách biệt và có hàng rào ngăn cách với khu chăn nuôi.

- Lối ra vào khu chăn nuôi phải được áp dụng áp dụng các biện pháp vệ sinh, khử trùng cho chất độc hại.

- Lối ra vào khu chăn nuôi phải được áp dụng các biện pháp vệ sinh, khử trùng cho người và phương tiện vận chuyển đi qua. Bố trí khu vực sát trùng tại cổng ra vào, có hệ thống vòi phun xịt thuốc sát trùng cho xe cộ ra vào.

- Nơi chứa thức ăn chăn nuôi phải cách biệt với nơi để các hóa chất độc hại.

- Thực hiện việc giám sát các tiêu chuẩn môi trường, theo dõi dấu hiệu dịch bệnh theo tần suất và phương pháp quy định nhằm phát hiện và xử lý kịp thời dịch bệnh ngay từ khi mới phát sinh.

- Con giống phải được phòng bệnh, chữa bệnh kịp thời.

- Tăng cường chế độ dinh dưỡng cho heo nhằm tạo sức đề kháng cho cơ thể là mạnh nhất.

- Cập nhật các thông tin khi ổ dịch đang lan rộng trên địa bàn và các khu vực lân cận đồng thời tuân thủ mọi hướng dẫn của cơ quan có chức năng.

- Thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra

sự cố cần được trang bị và cập nhật như: tủ thuốc, địa chỉ bệnh viện, địa chỉ cứu hỏa, cơ quan thú y.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động không ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân.

- Đối với phòng chống dịch bệnh ở người: không ăn heo bị bệnh chết. Khi phát hiện người có dấu hiệu bệnh phải báo ngay với chính quyền địa phương và trạm y tế gần nhất để có biện pháp theo dõi, cách ly, chăm sóc, điều trị kịp thời, không để lây lan.

- Bảo đảm khi có dịch phải thống kê đầy đủ, khai báo đúng để Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương có các biện pháp xử lý, không để dịch lây lan rộng và lây sang người và các địa bàn khác.

- Công ty đã xây dựng phương án phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra dịch bệnh như sau: nhanh chóng phát hiện và kịp thời báo ngay cho Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương để có biện pháp xử lý. Thực hiện đúng hướng dẫn của Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương để có biện pháp xử lý thích hợp theo quy định; cũng như để xác định nguyên nhân dịch bệnh, đồng thời có biện pháp phòng tránh bệnh dịch lây lan. Tùy theo tính chất, mức độ bệnh dịch, Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương báo cáo UBND xã để thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch đối với khu vực đó, đồng thời báo cáo Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi cấp huyện.

#### **8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):**

Hiện tại các công trình bảo vệ môi trường không thay đổi so với xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp.

## CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải từ sinh hoạt và hoạt động chăn nuôi sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500m<sup>3</sup>/ngày để xử lý, được lưu chứa trong hồ chứa nước thải sau xử lý (hồ tái sử dụng) để tuần hoàn tái sử dụng với mục đích vệ sinh chuồng trại, không xả ra môi trường).

### 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

Dự án không có công trình xử lý khí thải tại nguồn

### 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động chăn nuôi chủ yếu từ tiếng kêu của heo và phát sinh từ quạt công nghiệp của 61 dãy chuồng.

Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Khu vực sau quạt hút 23 dãy chuồng trại heo nái đẻ
- Nguồn số 02: Khu vực sau quạt hút 17 dãy chuồng trại heo nái mang thai
- Nguồn số 03: Khu vực sau quạt hút 16 dãy chuồng trại heo cai sữa
- Nguồn số 04: Khu vực sau quạt hút 3 dãy heo heo nọc
- Nguồn số 05: Khu vực sau quạt hút 1 dãy heo cách ly
- Nguồn số 06: Khu vực sau quạt hút 01 dãy xuất heo

3.1. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực sau quạt hút chuồng trại

- Độ rung: Không phát

**CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN**

**1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.**

**Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2021 và 2022**

St t	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả								QCVN 62- MT: 2016/BTNMT T cột A, K <sub>f</sub> =0,9; K <sub>q</sub> =0,9	QCVN 01- 14:2010/ BNNPTN T
			Năm 2021				Năm 2022					
			NT1 (11/1)	NT2 (10/5)	NT3 (5/10)	NT1 (5/3)	NT2 (24/5)	NT3 (22/8)	NT4 (01/11)			
1	pH	-	7,13	7,12	7,41	7,16	6,87	7,21	7,94	6-9	-	
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	27	7,1	31	30,8	31	30	25	39,6	-	
3	COD	mg/l	75	15	64	75,2	57,6	75	71	99	-	
4	TSS	mg/l	21	KPH (MDL=5,0 )	32	35,8	32,4	34	32	49,5	-	
5	Tổng Nito <sup>a</sup>	mg/l	19,5	9,05	34,8	34,5	32,6	33,4	26	49,5	-	
6	Coliform	MPN/ 100ml	1600	2100	2400	2200	2000	2.100	1.500	3.000	5000	
7	Coli phân	MPN/ 100ml	KPH (MDL=3 )	KPH	KPH (MDL=3 )	KPH	KPH	KPH (MDL=1,8 )	KPH (MDL=1,8 )	-	500	
8	Samonel a	MPN/50ml	KPH (MDL=3 )	KPH	KPH (MDL=3 )	KPH	KPH	KPH	KPH	-	KPH	

**\* Ghi chú:**

- QCVN 62-MT: 2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A, K<sub>f</sub>=0,9; K<sub>q</sub>=0,9
- QCVN 01-14:2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện Trại chăn nuôi heo an toàn sinh học

**\* Nhận xét:**

Qua so sánh kết quả phân tích chất lượng nước thải tại bảng trên với giới hạn quy chuẩn cho thấy: các thông số phân tích đều đạt theo quy định. Qua đó cho thấy HTXLNT của trang trại, xử lý hiệu quả và hoạt động ổn định.

**2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.**

Dự án không có công trình xử lý khí thải tại nguồn.



## **CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:**

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp thông báo số 6040/STNMT-CCBVMT ngày 10/9/2018 V/v thông báo kết quả kiểm tra hệ thống xử lý nước thải của “Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm)- trại GP2” tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Hiện tại Quy trình công nghệ xử lý nước thải của trại cũng như công suất hệ thống không thay đổi so với thông báo số 6040/STNMT-CCBVMT ngày 10/9/2018.

Căn cứ theo khoản 4, điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Dự án không thực hiện vận hành thử nghiệm công xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

### **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

#### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:**

Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ

#### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:**

Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt quan trắc tự động, liên tục chất thải.

#### **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.**

*\* Quan trắc khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.*

Kiểm tra giám sát việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của dự án.

Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực lưu giữ chất thải rắn của trại.

Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục từ khi phát sinh.

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

### 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Bảng 6.1. **Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm**

STT	Chương trình quản lý và giám sát	Số lượng mẫu	Tần suất	Kinh phí (đồng/năm)
1	Nước thải	01 điểm tại vị trí đầu ra của HTXLNT	4 lần/năm	15.000.000
2	Chi phí lập báo cáo	-	1 lần/năm	5.000.000
3	Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại	Thường xuyên, liên tục	2.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		-	-	<b>22.000.000</b>

## **CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN**

Hiện tại, Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2017 đến nay. Tuy nhiên trong 02 năm 2021, 2022 đến nay dự án không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

Trong quá trình hoạt động, Công ty vận hành công trình xử lý chất thải ổn định, chất lượng khí thải, nước thải sau xử lý luôn đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

## CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

- Chủ đầu tư dự án cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường;

- Chủ dự án sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá hoạt động để kịp thời kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường;

- Chủ đầu tư cam kết thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại đã được đưa ra và kiến nghị trong báo cáo ĐTM nhằm đảm bảo được Quy chuẩn môi trường Việt Nam;

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, chăn nuôi phát sinh của trang trại đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước thải đầu ra theo QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, Cột A,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$ ; QCVN 01-14: 2010/BNNPTNT;

- Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Chủ đầu tư dự án sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong trại, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường;

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan;

- Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do vận hành trang trại;

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên./.

# **PHỤ LỤC**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 3603214247**

*Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 09 năm 2014*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 14 tháng 12 năm 2015*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI VELBRED

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VELBRED FARMING JOINT STOCK  
COMPANY

Tên công ty viết tắt: VELBRED JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Ấp 4, Xã Phú Lý, Xã Phú Lý, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Điện thoại: 0613 862 757

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 63.450.000.000 đồng

*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.345.000

**4. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: LEE MENG HONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *14/08/1960*

Dân tộc:

Quốc tịch:

*Malaysian*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *A28238311*

Ngày cấp: *01/01/2013*

Nơi cấp: *Malaysia*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 213 Jalan Damai 2, Taman Damai, Sungai, Abong,  
8400, Muar, Johor, MALAYSIA

Chỗ ở hiện tại: Số 7, A12, khu dân cư An Bình, Phường An Bình, Thành phố Biên  
Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

**Số: 471032000429**

*Chứng nhận lần đầu: ngày 18 tháng 9 năm 2014*

*Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: ngày 12 tháng 5 năm 2015*

*Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: ngày 01 tháng 6 năm 2015*

*Chứng nhận thay đổi lần thứ 3: ngày 12 tháng 6 năm 2015*

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty cổ phần Chăn nuôi Velbred nộp ngày 01 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 415/BC-SKHĐT ngày 02 tháng 6 năm 2015.

**CHỦ TỊCH  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Chứng nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI VELBRED.

Đại diện bởi: Ông Lee Meng Hong, sinh ngày 14/8/1960, Quốc tịch: Malaysia; Hộ chiếu số A28238311 cấp ngày 01/01/2013 tại Muar, Malaysia; địa chỉ thường trú: 213 Jalan Damai 2, Taman Damai, Sungai Abong, 84000, Muar, Johor, Malaysia; chỗ ở hiện tại: số 7, Khu dân cư An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư số 471032000429 chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 12/5/2015 và chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 01/6/2015 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp với nội dung điều chỉnh quy mô thực hiện dự án tại vị trí 1.

**Điều 1:**

Khoản 2, Điều 2 của Giấy chứng nhận đầu tư số 471032000429 chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 12/5/2015





chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 01/6/2015 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp được điều chỉnh, bổ sung như sau:

**Điều 2: Nội dung dự án đầu tư:**

**2. Mục tiêu và quy mô của dự án:**

- Mục tiêu: sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản; Sản xuất heo thịt siêu nạc.

- Quy mô:

+ Vị trí 1: 2.000 heo nái và 60.000 heocon/năm; 60.000 liều tinh heo/năm.

+ Vị trí 2: quy mô 5.000 heo nái/năm và 120.000 heo cai sữa/năm

+ Vị trí 3: quy mô 120.000 heo thịt/năm.

**Điều 2:** Giấy chứng nhận đầu tư này là một bộ phận không tách rời của giấy chứng nhận đầu tư số 471032000429 chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 12/5/2015 và chứng nhận thay đổi lần 2 ngày 01/6/2015 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp.

Mọi điều khoản khác của giấy chứng nhận đầu tư số 471032000429 chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 12/5/2015 và chứng nhận thay đổi lần 2 ngày 01/6/2015 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3:** Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 3 (Ba) bản gốc; một bản cấp cho Doanh nghiệp, một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản lưu tại Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. / *u*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Phú Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 471032000429

*Chứng nhận lần đầu: ngày 18 tháng 9 năm 2014*

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Theo đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do chủ đầu tư nộp ngày 21 tháng 7 năm 2014;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 442/BC-SKHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2014.

### CHỦ TỊCH

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

- Ông Yew Kean Lai, sinh ngày 25/3/1966, Quốc tịch: Malaysia, Hộ chiếu số A27518608 cấp ngày 25/9/2012 tại Malaysia, địa chỉ thường trú tại số 19, Solok Batu Unjur 5B, Bayu Perdana, 41200 Klang, Selangor, West Malaysia;

- Ông Lee Meng Hong, sinh ngày 14/8/1960, Quốc tịch: Malaysia, Hộ chiếu số: A28238311 cấp ngày 01/01/2013 tại Muar, Malaysia; địa chỉ thường trú: 213 Jalan Damai 2, Taman Damai, Sungai Abong 84000, Muar, Johor, Malaysia; chỗ ở hiện tại: số 7 A12, khu dân cư An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai;

- Ông Cheong Yew Hoong, sinh ngày 22/3/1975, Quốc tịch: Malaysia; Hộ chiếu số A23786224 cấp ngày 31/01/2011 tại Malaysia; địa chỉ thường trú: 131 Parit Pulai, Jalan Abdun Rahman, 84150 Muar, Johor, Malaysia; địa chỉ hiện tại: số 7 A12, khu dân cư An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư như sau:



**Điều 1: Nội dung đăng ký kinh doanh :**

1. Tên Doanh nghiệp :

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI VELBRED.

- Tên tiếng Anh:

VELBRED FARMING JOINT STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt: VELBRED PF JSC

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

3. Địa chỉ trụ sở chính: ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản	
2	Chăn nuôi heo, gia súc	0145
3	Tổ chức chăn nuôi gia công heo, gia súc với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước tại những địa điểm nằm trong vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi.	

5. Vốn điều lệ của Doanh nghiệp: : 63.450.000.000 VND (Sáu mươi ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) tương đương 3.000.000 USD (Ba triệu đô la Mỹ). Gồm 6.345.000 (Sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn) cổ phần, với mệnh giá 10.000 VN đồng/cổ phần.

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VN đồng)	Giá trị tương đương (US đôla)	Tỷ lệ góp vốn
1	Ông Yew Kean Lai	4.314.600	43.146.000.000	2.040.000	68%
2	Ông Lee Meng Hong	1.840.050	18.400.500.000	870.000	29%
3	Ông Cheong Yew Hong	190.350	1.903.500.000	90.000	03%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.345.000</b>	<b>63.450.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>100%</b>

6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lee Meng Hong, sinh ngày 14/8/1960, Quốc tịch: Malaysia; Hộ chiếu số A28238311 cấp ngày 01/01/2013 tại Muar, Malaysia; địa chỉ thường trú: 213 Jalan Damai 2, Taman Damai, Sungai Abong, 84000, Muar, Johor, Malaysia; chỗ ở hiện tại: số 7, Khu dân cư An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Chức vụ: Tổng Giám đốc

**Điều 2 : Nội dung dự án đầu tư**

1. Tên dự án đầu tư :

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI VELBRED.**

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu: Sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản; Sản xuất heo thịt siêu nạc.

- Quy mô : 200.000 con heo/năm và 60.000 liều tinh heo/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án : Ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Diện tích đất sử dụng khoảng 121.604 m<sup>2</sup>.

4. Tổng vốn đầu tư : 63.450.000.000 VND (Sáu mươi ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) tương đương 3.000.000 USD (Ba triệu đô la Mỹ). Trong đó, vốn góp thực hiện dự án là 63.450.000.000 VND (Sáu mươi ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) tương đương 3.000.000 USD (Ba triệu đô la Mỹ).

Tiền độ góp vốn : trong vòng **90 ngày kể từ** ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Nội dung đầu tư gồm:

+ Chi phí bồi thường đất đai, xây dựng công trình (chuồng trại, văn phòng, nhà kho, nhà bảo vệ, nhà ăn, hầm biogas...);

+ Mua hệ thống máy móc thiết bị cho heo ăn, hệ thống máy móc làm mát;

+ Mua heo giống và vốn lưu động.

5. Thời hạn hoạt động của dự án : 50 (Năm mươi) năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư.

6. Tiến độ thực hiện dự án : Sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư:

- Hoàn tất thủ tục đất đai, xây dựng: từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 3.

- Khởi công và hoàn thành xây dựng: từ tháng thứ 4 đến tháng thứ 10.

- Lắp đặt máy móc thiết bị: trong tháng thứ 11.

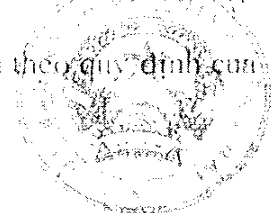
- Hoạt động chính thức: từ tháng thứ 12.

7. Các nội dung liên quan đến dự án :

Mục tiêu sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo quy định tại mục 25 danh mục B Phụ lục I Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Các mục tiêu còn lại không thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

a) Tiền thuê đất hàng năm sẽ được tính chính thức từ thời điểm ký hợp đồng thuê đất.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.



c) Các loại thuế khác thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

d) Việc xuất khẩu, nhập khẩu và miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định hiện hành.

e) Các điều kiện đối với chủ đầu tư :

- Tuân thủ pháp luật Việt Nam, các qui định trong lĩnh vực nhập khẩu giống vật nuôi, phân phối kinh doanh giống vật nuôi, các điều kiện chăn nuôi heo và pháp lệnh thú y.

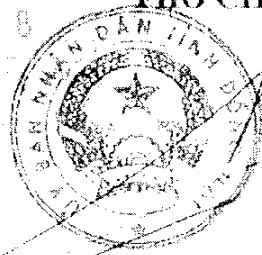
- Tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về bảo vệ môi trường của Luật bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, chế độ báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định.

**Điều 3 :** Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 3 (Ba) bản gốc; một bản cấp cho Doanh nghiệp, một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai./.

HỒ SƠ SƠ LƯỢC  
 CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



(Faint circular stamp on the left side of the page)

**TỈNH BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐÔNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1140/SKHDT-UBND-KTN

Đồng Nai, ngày 05 tháng 6 năm 2022

Về điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Công ty cổ phần chăn nuôi Velbred tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vĩnh Cửu.

Sau khi xem xét báo cáo, đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1140/SKHDT-KTĐN ngày 01/4/2022 về việc hồ sơ điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Công ty cổ phần chăn nuôi Velbred tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu (*File điện tử kèm theo*); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Về mặt chủ trương, chấp thuận giãn tiến độ thực hiện dự án Công ty cổ phần Chăn nuôi Velbred thêm 12 tháng kể từ ngày văn bản này có hiệu lực.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát hồ sơ, căn cứ các quy định pháp luật, tham mưu đề xuất trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định chấp thuận giãn tiến độ thực hiện dự án Công ty cổ phần Chăn nuôi Velbred theo quy định.
- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND huyện Vĩnh Cửu và các đơn vị liên quan hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện và giải quyết các vướng mắc về thủ tục đất đai tại vị trí 2 và vị trí 3 của dự án theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT, UBND tỉnh (Đ/c Phí);  
Công ty Velbred;
- Giám, PCA P, UBND tỉnh (KTN);  
Đơn vị KTN;  
*Trên 02 (hai) bản chữ.*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Phí**



Số: 3568 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 11 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm) - Trại GP2 tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm) - Trại GP2 tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred họp ngày 17/9/2015 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm) - Trại GP2 tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã được Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred chỉnh sửa tại Văn bản không số ngày 14/10/2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1168/TTr-TNMT ngày 22/10/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm) - Trại GP2 tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí: Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Tổng diện tích Dự án: 122.246,6 m<sup>2</sup> thuộc quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2008 - 2015 và



định hướng đến năm 2020 của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của UBND tỉnh.

1.3. Quy mô: Chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup>.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ biện pháp thu gom và xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường nhà nước hiện hành; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

2.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- Không làm phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vi phạm quy chuẩn môi trường trong quá trình thi công; thực hiện biện pháp che chắn, không làm rơi vãi bùn đất,... của xe ra vào công trường và trên đường vận chuyển; đảm bảo an toàn giao thông.

- Bố trí khu vực thu gom và xử lý chất thải công trường, lưu ý chất thải rắn từ quá trình phát quang thi công; quản lý riêng chất thải nguy hại đúng quy định (dầu nhớt máy, giẻ lau nhiễm dầu,...); thi công hệ thống thoát nước, không gây ngập úng (nhất là vào mùa mưa).

- Thi công xây dựng theo đúng thiết kế đã đăng ký, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự trong khu vực Dự án và không làm ảnh hưởng đến khu vực giáp ranh với Dự án.

- Thi công xây dựng các hạng mục công trình môi trường gồm: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải; hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm; công trình xử lý khí thải, mùi hôi phát sinh sau quạt hút; nhà lưu giữ chất thải an toàn, hợp vệ sinh; khu ủ phân; nhà chứa phân.

2.2. Trong giai đoạn vận hành Dự án:

- Tách riêng triệt để tuyến thoát nước mưa, nước thải; kiểm soát lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$  trước khi thải ra suối Dong và chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Đồng Nai. Không được để nước thải tự thấm xuống đất; không được xả nước thải chưa qua xử lý, không đạt quy chuẩn ra môi trường; cửa xả nước thải vào hệ thống tiêu thoát phải đặt ở vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

- Trường hợp có nhu cầu tái sử dụng nước thải chăn nuôi, Chủ dự án tuân thủ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 51 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ.

- Phân loại tại nguồn các loại chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại. Bố trí công trình lưu giữ an toàn, hợp vệ sinh và thực hiện xử lý, thải bỏ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải. Thực hiện quy trình ủ phân theo đúng quy định của

ngành nông nghiệp, không vận chuyển phân tươi ra khỏi chuồng trại.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được phân định, quản lý theo quy định chất thải nguy hại nếu có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng; quản lý theo quy định chất thải rắn thông thường nếu không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng.

- Thực hiện biện pháp thu gom, xử lý các nguồn phát sinh khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B,  $K_1=1,2$ ;  $K_p$  theo lưu lượng nguồn thải và QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường (lưu ý tại khu chứa chất thải, khu xử lý nước thải).

- Thực hiện quan trắc định kỳ nguồn thải với tần suất 03 tháng/lần, trong đó nước thải được quan trắc trước và sau xử lý. Số liệu quan trắc được lưu giữ làm căn cứ để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý chất thải và định kỳ 06 tháng/lần gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát, kiểm tra.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thực hiện biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Dự án và thực hiện cung cấp thông tin môi trường cho cộng đồng dân cư theo quy định Điều 12, Điều 51, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới.

### 3. Các điều kiện kèm theo đối với Chủ dự án:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong giai đoạn thi công, xây dựng và hoạt động Dự án để bảo đảm an ninh trật tự.

- Thực hiện nghiêm các yêu cầu của địa phương tại Văn bản số 126/UBND ngày 10/8/2015 của UBND xã Phú Lý và Văn bản số 17/MTX ngày 04/8/2015 của UBMTTQ xã Phú Lý.

- Trước khi đưa Dự án đi vào vận hành, Chủ dự án phải bổ sung văn bản của cơ quan thẩm quyền về phương án tuyến thoát nước của Dự án; trường hợp có điều chỉnh hướng tuyến thoát nước làm thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải so với đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét phương án xử lý nước thải.

### **Điều 2.** Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại báo cáo đánh giá tác động môi trường, Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

**Điều 3.** Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường và Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Đồng Nai.

**Điều 4.** Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 5.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu, Chủ tịch UBND xã Phú Lý; Chủ dự án - Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;

Lưu: VT, CNN, KT.

QDDTM.Traisaxuatheocaisua-CtyVelbred-nuoiGP2



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Chánh**

Số: 12345/STNMT-THN  
HỒ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 12345/STNMT-THN  
HỒ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 12345/STNMT-THN  
Và ý kiến đối với phương án tái sử  
dụng nước thải sau xử lý

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm 2018

Kính gửi Công ty Cổ phần Chăn nuôi Velbred

Sơ Tài nguyên và Môi trường nhận được phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Velbred đối với Trại chăn nuôi heo cai sữa quy mô 120.000 con/năm, xã Phú Lý, huyện Minh Cửu, tỉnh Đồng Nai, nhu cầu tái sử dụng  $87m^3/ngày đêm$

Sau khi xem xét phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Velbred, Sơ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Việc tái sử dụng nước thải sau xử lý được khuyến khích theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 của Luật Tài nguyên Nước năm 2012, Điều 24 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và được quy định tại Khoản 1, Điều 18 của Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Do vậy, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Velbred tái sử dụng nước thải sau xử lý là phù hợp

2. Công ty Cổ phần Chăn nuôi Velbred đã đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế  $500 m^3/ngày đêm$ . Theo văn bản số 3815/STNMT-CCBVMT ngày 15/6/2018 của Sơ Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả kiểm tra hệ thống xử lý nước thải các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, cột A, ứng với  $K_4=0,9$ ,  $K_5=0,9$  và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT

3. Để việc tái sử dụng nước thải sau xử lý theo quy định về pháp luật tài nguyên nước và bảo vệ môi trường, đề nghị Công ty Cổ phần Chăn nuôi Velbred thực hiện một số nội dung sau:

- Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT/BTNMT, cột A, ứng với  $K_3=0,9$ ,  $K_4=0,9$  và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT. Nước thải phát sinh sau khi tái sử dụng phải được thu gom về hệ thống xử lý và xử lý đạt quy chuẩn quy định.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng (có giấy kiểm định của đơn vị chức năng) và mở sổ ghi chép lưu lượng nước thải tái sử dụng với tần suất (tối thiểu) 1 lần/ngày. Trường hợp xả nước thải sau hệ thống xử lý vào nguồn nước phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định.

... (text partially obscured) ...

+ Chất lượng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định cho việc sử dụng nước vào các mục đích khác nhau, không ảnh hưởng đến sức khỏe và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

+ Nước thải tái sử dụng phải được phân phối đến điểm tiêu thụ theo hệ thống riêng biệt, đảm bảo không xâm nhập và không ảnh hưởng đến môi trường.

- Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), đơn vị tổng hợp báo cáo Số Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về tình hình thu gom, xử lý nước thải, và nước thải, tái sử dụng nước thải sau xử lý để được kiểm tra, theo dõi.

4. Trường hợp có sự thay đổi về mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý, đề nghị Công ty kịp thời báo cáo về Số Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định.

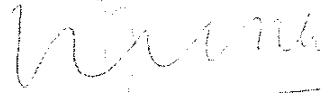
Ngoài ra, đề nghị đơn vị báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại về lĩnh vực bảo vệ môi trường theo biên bản kiểm tra ngày 06/9/2018, gửi về Chi cục Bảo vệ Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TNMT huyện Vĩnh Cửu, UBND xã Phú Lý (phối hợp);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Chi cục BVMT (phối hợp);
- Lưu: VT, TNN.

Dành cho TSD Số

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
TỈNH ĐỒNG NAI  
Số: 73/2020/UB-UBND  
Ngày 15 tháng 12 năm 2020

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC DƯỚI ĐẤT VÀ SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
Số 01/2020/STNMT

**CHỨC TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức UBND, ngày 13 tháng 12 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2017/NĐ-CP, ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đất đai, môi trường, địa chất, địa chất thủy văn và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, sửa chữa, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt "Quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020".*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 820/TTr-STNMT ngày 02 tháng 7 năm 2020 và hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác nước dưới đất của Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred đối với công trình khai thác tại Trại chăn nuôi heo GP2 ở ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred có địa chỉ liên hệ tại tổ 7, ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai được khai thác, sử dụng nước dưới đất với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích khai thác: Phục vụ chăn nuôi, sinh hoạt, tưới cây và phòng cháy chữa cháy.

đều phải có đủ các nội dung sau đây: Tên công trình, địa điểm, quy mô, công suất, số giếng khoan, số giếng khai thác, số giếng dự trữ, số giếng bơm nước, số giếng xả nước, số giếng lấy nước sinh hoạt, số giếng lấy nước tưới tiêu, số giếng lấy nước cho các công trình khác.

2. Tổng công suất khai thác nước của công trình.

3. Tổng số giếng khoan và giếng khai thác.

4. Tổng lượng nước khai thác của công trình, tính theo đơn vị khối lượng nước lấy ra mỗi ngày đêm, tính theo đơn vị khối lượng nước khai thác mỗi ngày đêm và mỗi cây giờ, phân bổ cho các công trình khai thác.

5. Thời hạn khai thác của công trình, tính kể từ ngày 01/01/2020.

Nội dung của hồ sơ khai thác nước phải có các thông số các giếng khoan, bố trí như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ		Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu tầng nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X(m)	Y(m)			Từ	Đến			
GP1	1253128	432166	50	8	30	50	14,50	25,50	Khe nứt Jura (J <sub>1,2</sub> )
GP2	1253071	432188	50	8	30	50	14,50	25,50	
GP3	1253104	432036	90	10	30	50	14,55	25,45	
GP4	1253216	432087	90	10	30	50	14,60	25,40	

**Điều 2.** Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép chấp thuận bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.

3. Thực hiện giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bao gồm: Lắp đặt hệ thống giám sát theo Điểm c, Khoản 2, Điều 5; Thông số giám sát theo Khoản 1, Điều 12; Hình thức giám sát theo Khoản 2, Điều 12; Chế độ giám sát theo Khoản 3, Điều 12.

4. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định. Cụ thể:

Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình giếng khoan là 20m tính từ miệng giếng theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của mỗi công trình giếng khoan, Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred phải bảo vệ nguồn nước do







UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cố: 317 /ST-TC-CCBVMT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

V/v thông báo kết quả kiểm tra  
hệ thống xử lý nước thải

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chăn nuôi Velbred  
(ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai)

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred đề nghị kiểm tra, đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải, công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày tại trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm) - Trại GP2, ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế vào ngày 10/01/2018, ngày 15/5/2018 và các Phiếu kết quả thử nghiệm số 44/1-4DV ngày 20/01/2018, số 650/1-4DV ngày 25/5/2018 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500 m<sup>3</sup>/ngày tại Trại GP2 để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trại GP2. Quy trình xử lý nước thải bao gồm các công đoạn: nước thải từ hoạt động chăn nuôi → hầm biogas → 03 hồ chứa lót bạt chống thấm HDPE → sử dụng bơm và ống dẫn để bơm dẫn lên bể lắng sơ bộ (01 bể) → bể anoxic → bể MBBR → bể aerotank (02 bể) → bể lắng vi sinh I và II → bể trung gian → cụm bể keo tụ - tạo bông → bể lắng hóa lý (02 bể) → bể khử trùng → 02 bồn lọc áp lực (01 bồn lọc sỏi và 01 bồn lọc than) → hồ chứa để lưu trữ (đáy bê tông, tường gạch dung tích 1.200 m<sup>3</sup>) sau đó bơm tuần hoàn sử dụng vào việc vệ sinh chuồng trại, không thải ra môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đo đạc thu 03 mẫu nước thải sau xử lý tại các thời điểm khác nhau vào ngày 10/01/2018 và ngày 15/5/2018 để đánh giá hiệu quả xử lý nước thải; các thông số đo đạc phân tích: pH, BOD5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, Coliform, Coli phân và Samonella 08 (không số).

Vào thời gian kiểm tra vào ngày 10/01/2018: hệ thống xử lý nước thải đang vận hành bình thường, tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trại GP2 với lưu lượng khoảng 280 m<sup>3</sup>/ngày; Trại GP2 đang thực hiện lót bạt HDPE chống thấm tại 03 hồ chứa nước thải sau hầm biogas, chưa đưa 03 hồ chứa sau hầm biogas vào sử dụng. Kết quả phân tích các mẫu nước thải sau xử lý còn thông số tổng nitơ không đạt so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, Kq = 0,9, Kf = 0,9, cụ thể: tổng nitơ vượt 1,3 lần.

Theo giải trình của Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred: sau khi nhận được kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước thải, Công ty đã hoàn thành lót bạt HDPE chống thấm tại 03 hồ chứa nước thải sau hầm biogas và đưa 03 hồ chứa sau hầm biogas vào sử dụng nhằm ổn định tính chất nước thải trước khi đưa bơm dẫn vào hệ thống xử lý nước thải để xử lý, đồng thời thực hiện điều chỉnh chế độ vận hành hệ thống xử lý nước thải, cụ thể: điều chỉnh pH tại công đoạn xử lý thiếu khí (công đoạn xử lý anoxic), bổ sung hóa chất xử lý tại công đoạn keo tụ, tạo bông.

Vào thời điểm kiểm tra ngày 15/5/2018: hệ thống xử lý nước thải đang vận hành bình thường, tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trại GP2 với lưu lượng khoảng 280 m<sup>3</sup>/ngày; kết quả phân tích các mẫu nước thải sau xử lý cho thấy 08 thông số được kiểm tra có nồng độ đạt so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, Kq = 0,9, Kf = 0,9 và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT.

Từ kết quả kiểm tra nêu trên cho thấy hệ thống xử lý nước thải của Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred cơ bản đảm bảo thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trại GP2 tại ấp ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu đạt yêu cầu quy định. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải nêu trên, đề nghị Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động khu văn phòng và nhà ăn, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt nhau thải, heo chết không do dịch bệnh về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Vận hành thường xuyên, đồng bộ hệ thống xử lý nước thải trong quá trình hoạt động của trại chăn nuôi heo; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Có biện pháp theo dõi, giám sát lưu lượng nước thải trước xử lý và sau khi xử lý.

- Khắc trương hoàn thành việc thi công hồ chứa nước thải sau xử lý để lưu chứa, phục vụ việc tuần hoàn sử dụng vào việc vệ sinh chuồng trại; thực hiện cải tạo, vệ sinh các hồ chứa nước thải trước đây thành hồ cảnh quan, không để nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường.

- Niêm yết công khai, minh bạch hệ thống thu gom và thoát nước thải (ghi rõ mục đích của các đường ống), quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu xử lý; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các tuyến thu gom nước thải, đảm bảo không để rò rỉ nước thải thấm vào môi trường đất. Tháo gỡ các đường ống không còn sử dụng tại hồ chứa nước thải tồn lưu và đường ống dẫn nước thải từ hồ chứa nước thải sau xử lý ra hồ chứa do Công ty tự đào.

- Xây dựng khu chứa phân đảm bảo đủ diện tích để lưu chứa phân sau khi ép và sau khi phơi khô; thực hiện kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải từ năm 2016 đến nay.

- Thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng nước thải theo đúng tần suất quy định, tối thiểu 03 tháng/lần; đồng thời có kế hoạch để chủ động xử lý, khắc phục kịp thời sự cố (nếu có xảy ra) đối với hệ thống xử lý nước thải và báo cáo kịp thời đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương để phối hợp, hướng dẫn xử lý, khắc phục.

- Lập phương án triển hoàn sử dụng nước thải sau xử lý tại Trại GP2, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, xử lý.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại khoản 3 điều 2 Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND Tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại hồ sơ đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan

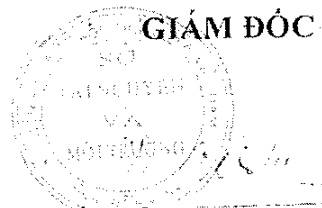
- Hệ thống xử lý nước thải đang tiếp nhận xử lý nước thải phát sinh 280 m<sup>3</sup>/ngày (đạt 56% công suất thiết kế), đề nghị Trại GP2 có biện pháp kiểm soát lưu lượng nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải; chủ động theo dõi lưu lượng nước thải phát sinh so với công suất thiết kế, để vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục kiểm tra.

Trên đây là một số ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo đến Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred để biết và thực hiện.

(Đính kèm: Phiếu kết quả thử nghiệm số 44/1-4DV ngày 20/01/2018, số 650/1-4DV ngày 25/5/2018 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường của Trung tâm quan trắc và Kỹ thuật môi trường)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - UBND huyện Vĩnh Cửu (để biết, phối hợp);
  - UBND xã Phú Lý (để biết, phối hợp);
  - Lưu: VT, CCBVMT (07b).
- DAP.TD.Thu.CV\HTCT\2018\Ct\_Velbred-Trại GP2



**Đặng Minh Đức**



Số: 297 /SDK-CCBVM

Đồng Nai, ngày 21 tháng 12 năm 2015

**SỐ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH: 75.002396.T  
(Cấp lần 01)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:**

Tên: Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred.

Địa chỉ văn phòng: Ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0982 769773

Giấy chứng nhận đầu tư số 471032000429 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 12/6/2015.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**IV. Điều khoản thi hành:**

Số đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

**Nơi nhận:**

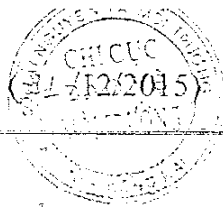
- Như phần I;
  - Sở TNMT (báo cáo);
  - P.ĐKTNMT (phối hợp);
  - Lưu: VT, KSON (3b)
- D:\ThuHeng\2015 CTNH\Velbred\Trai2.doc

**TU. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
CHI CỤC TRƯỞNG**



Võ Niệm Tường





## PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 75.002396.T do Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai cấp lần 01 ngày 21 tháng 12 năm 2015)

## 1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Trại sản xuất heo cai sữa có quy mô chuồng trại 29.194 m<sup>2</sup> (120.000 con/năm) - Trại GP2.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0982 769773.

## 2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	Rắn	06	08 02 04
2	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (chai lọ thuốc vắc xin)	Rắn	300	18 01 04
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao bì cứng thuốc thú y, thuốc sát trùng hết hạn, thuốc vacxin, hóa chất hết hạn)	Rắn	240	18 01 03
4	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/lỏng	780	14 02 02
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	06	16 01 06
6	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	12	17 07 03
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	06	19 06 01
8	Bao bì mềm thải (bao nylon, bao bì giấy)	Rắn	72	18 01 01
9	Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt, hóa chất	Rắn	24	18 02 01
Tổng số lượng			1.446	

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không





UBND HUYỆN VĨNH CƯ  
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/KT&HT

Vinh Cươ, ngày 15 tháng 1 năm 2023

Vấn đề liên quan tới việc xây dựng trại  
chăn nuôi heo của Công ty Cổ Phần  
Chăn Nuôi Velbred.

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Velbred.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng nhận được hồ sơ xin xác nhận việc xây dựng trại  
chăn nuôi heo của Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Velbred. Sau khi rà soát các nội  
dung có liên quan, phòng Kinh tế và Hạ tầng có ý kiến như sau:

- Theo nội dung hồ sơ, các công trình xây dựng tại khu vực ấp 4, xã Phú Lý  
được thực hiện vào năm 2010, 2015 có xác nhận của UBND xã Phú Lý.

- Đối với các công trình xây dựng thời điểm năm 2010: Căn cứ Quyết định  
số 236/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt quy  
hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai  
đoạn 2008 - 2015 và định hướng đến năm 2020 của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng  
Nai thì khu vực xây dựng trại chăn nuôi heo nêu trên nằm trong vùng khuyến  
khích phát triển chăn nuôi được phê duyệt. Đồng thời theo nội dung khoản 10,  
Điều 1 của quyết định thì các chu trang trại khi đầu tư vào vùng khuyến khích  
phát triển chăn nuôi sẽ không phải xin phép xây dựng.

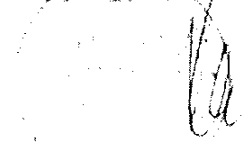
- Đối với các công trình xây dựng thời điểm năm 2015: Căn cứ điểm k,  
khoản 2, Điều 89 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 (có hiệu lực từ ngày  
01/01/2015) thì công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy  
hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt thì được miễn  
giấy phép xây dựng.

Trên đây là ý kiến ý kiến đối với việc xây dựng trại chăn nuôi heo của  
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Velbred. Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông tin đến  
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Velbred được biết.

**Nơi nhận:**

- Như trên.  
- TP. các PIP KT&HT  
- UBND xã Phú Lý;  
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Văn Hòa**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

*Đồng Nai, ngày 17 tháng 03 năm 2023*

## ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN

Kính gửi: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vĩnh Cửu.

Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Velbred được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 471032000429 ngày 18/9/2017 (thay đổi lần 4 ngày 9/12/2022):

Sau khi được cấp phép đầu tư, Công ty chúng tôi đã nhân lại các trại đã xây dựng từ năm 2010 tại 03 khu đất tại ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, chúng tôi đã tiến hành xây dựng thêm một số hạng mục thu gom và xử lý nước thải theo quy định (xây dựng năm 2015) để đạt chuẩn theo TCVN-QCVN62/BTNMT và đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai kiểm tra và nghiệm thu đưa vào sử dụng, trong quá trình hoạt động chúng thực hiện đúng theo bản cam kết bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, theo quy định mỗi Công ty chúng tôi phải hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến cấp mới Giấy phép môi trường cho các dự án này. Do vậy, Công ty CP Chăn Nuôi Velbred kính đề nghị phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vĩnh Cửu xác nhận tại thời điểm xây dựng (năm 2010 và 2015) các công trình xây dựng nêu trên thuộc đối tượng miễn cấp phép xây dựng.

Kính đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vĩnh Cửu xem xét hỗ trợ, giải quyết./.

Trân trọng!

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHĂN NUÔI  
VELBRED

**Lê Meng Hong**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 07 tháng 12 năm 2022

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN**

Kính gửi: UBND xã Phú Lý.

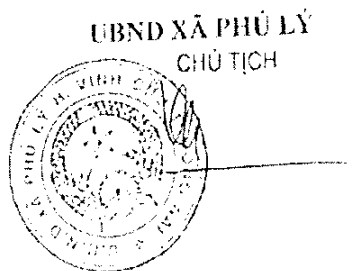
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Velbred được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 471032000429 ngày 18.9.2014 (thay đổi lần 3 ngày 12/6/2015);

Sau khi được cấp phép đầu tư, Công ty chúng tôi xây dựng và hoạt động ổn định từ năm 2006 đến nay; Đồng thời, chúng tôi đã tiến hành xây dựng thêm một số hạng mục thu gom và xử lý nước thải theo quy định để đạt chuẩn theo TCVN-QCVN62/BINMT và đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai kiểm tra và nghiệm thu đưa vào sử dụng, trong quá trình hoạt động chúng tôi thực hiện đúng theo bản cam kết bảo vệ môi trường.

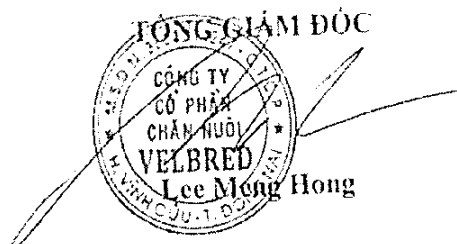
Tuy nhiên, theo quy định mới Công ty chúng tôi phải hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến cấp mới Giấy phép môi trường cho các dự án này. Do vậy, Công ty CP Chăn Nuôi Velbred kính đề nghị UBND xã Phú Lý xác nhận các công trình nêu trên hoạt động ổn định từ năm 2006 đến nay.

Kính đề nghị UBND xã Phú Lý xem xét giải quyết.

Trân trọng!



Nguyễn Văn Tiếp





## HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ CHẾ ĐỒ

Chúng tôi, bên dưới đây ký là **CHỦ ĐƠN HÀNG**, tên đầy đủ là **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN VÀ CHẾ ĐỒ**, địa chỉ: **10/1 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**, số thuế VAT: **0311000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0903 123 456**, và bên dưới đây ký là **CHỦ NHÀ SẢN XUẤT**, tên đầy đủ là **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG BỀN PHƯỚC**, địa chỉ: **Số 38, Quốc lộ 7, ấp Bình Phước, xã Bình Phước, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước**, số thuế VAT: **0310000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0271 3690 8866**, và bên dưới đây ký là **CHỦ NHÀ SẢN XUẤT**, tên đầy đủ là **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG BỀN PHƯỚC**, địa chỉ: **Số 38, Quốc lộ 7, ấp Bình Phước, xã Bình Phước, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước**, số thuế VAT: **0310000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0271 3690 8866**, đã ký kết Hợp đồng này để quy định rõ các điều kiện và nội dung của việc cung cấp dịch vụ tư vấn và chế đồ.

Chúng tôi, bên dưới đây ký là **CHỦ ĐƠN HÀNG**, tên đầy đủ là **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN VÀ CHẾ ĐỒ**, địa chỉ: **10/1 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**, số thuế VAT: **0311000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0903 123 456**, và bên dưới đây ký là **CHỦ NHÀ SẢN XUẤT**, tên đầy đủ là **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG BỀN PHƯỚC**, địa chỉ: **Số 38, Quốc lộ 7, ấp Bình Phước, xã Bình Phước, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước**, số thuế VAT: **0310000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0271 3690 8866**, đã ký kết Hợp đồng này để quy định rõ các điều kiện và nội dung của việc cung cấp dịch vụ tư vấn và chế đồ.

Chúng tôi, bên dưới đây ký là **CHỦ ĐƠN HÀNG**, tên đầy đủ là **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN VÀ CHẾ ĐỒ**, địa chỉ: **10/1 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**, số thuế VAT: **0311000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0903 123 456**, và bên dưới đây ký là **CHỦ NHÀ SẢN XUẤT**, tên đầy đủ là **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG BỀN PHƯỚC**, địa chỉ: **Số 38, Quốc lộ 7, ấp Bình Phước, xã Bình Phước, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước**, số thuế VAT: **0310000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0271 3690 8866**, đã ký kết Hợp đồng này để quy định rõ các điều kiện và nội dung của việc cung cấp dịch vụ tư vấn và chế đồ.

Chúng tôi, bên dưới đây ký là **CHỦ ĐƠN HÀNG**, tên đầy đủ là **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN VÀ CHẾ ĐỒ**, địa chỉ: **10/1 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**, số thuế VAT: **0311000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0903 123 456**, và bên dưới đây ký là **CHỦ NHÀ SẢN XUẤT**, tên đầy đủ là **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG BỀN PHƯỚC**, địa chỉ: **Số 38, Quốc lộ 7, ấp Bình Phước, xã Bình Phước, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước**, số thuế VAT: **0310000000**, số tài khoản ngân hàng: **19020000000000000000**, số điện thoại: **0271 3690 8866**, đã ký kết Hợp đồng này để quy định rõ các điều kiện và nội dung của việc cung cấp dịch vụ tư vấn và chế đồ.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ ĐƠN HÀNG:

*Chứng từ, đơn đặt hàng đã ký.*

### **BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN VÀ CHẾ ĐỒ (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN VÀ CHẾ ĐỒ)**

(Trại GP2 Công ty Cổ phần Đầu tư và Chế đồ)

Địa chỉ: 10/1 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0903 123 456 Fax: 028 877 1 666

Mã số thuế: 0311000000

Đại diện: Ông **CHẾ ĐỒ VÀ TƯ VẤN** Chức vụ: Giám đốc (0903 123 456)

### **BÊN B: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG BỀN PHƯỚC (CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG BỀN PHƯỚC)**

Địa chỉ: Số 38, Quốc lộ 7, ấp Bình Phước, xã Bình Phước, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0271 3690 8866 Fax: 0271 3690 8866

Mã số thuế: 0310000000

Tài khoản số: 19020000000000000000 (Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bình Phước)

Đại diện: Ông **CHẾ ĐỒ VÀ TƯ VẤN** Chức vụ: Giám đốc (0271 3690 8866)

Địa chỉ: Số 38, Quốc lộ 7, ấp Bình Phước, xã Bình Phước, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước

đang được thực hiện. Các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của các biện pháp này. Các cơ quan chức năng cũng đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã nhận được sự ủng hộ và đồng thuận của nhân dân. Nhân dân đã tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Đến nay, công tác bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

1. Các biện pháp bảo vệ môi trường

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của các biện pháp này. Các cơ quan chức năng cũng đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã nhận được sự ủng hộ và đồng thuận của nhân dân. Nhân dân đã tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Đến nay, công tác bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Các cơ quan chức năng cũng đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của các biện pháp này. Các cơ quan chức năng cũng đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã nhận được sự ủng hộ và đồng thuận của nhân dân. Nhân dân đã tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Đến nay, công tác bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

### 2.3. *Đánh giá hiệu quả của biện pháp*

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của các biện pháp này. Các cơ quan chức năng cũng đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã nhận được sự ủng hộ và đồng thuận của nhân dân. Nhân dân đã tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Đến nay, công tác bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Các cơ quan chức năng cũng đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của các biện pháp này. Các cơ quan chức năng cũng đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng đã nhận được sự ủng hộ và đồng thuận của nhân dân. Nhân dân đã tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.









Điểm 1.1 của quy định.

Hai bên đã cùng nhau nghiên cứu và thống nhất các điều kiện kỹ thuật của các loại rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp nguy hại để đưa ra các quy định chi tiết về các loại rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp nguy hại như sau:

**Điều 3: Phương thức thu gom rác.**

Bên B thuê các xe tải vận chuyển rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp nguy hại của bên B.

- Bên B làm thành toán để đưa rác thải công nghiệp nguy hại về nơi gom.

**Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của bên**

**Bên A:**

- Đảm bảo thời gian thu gom rác theo một tần suất nhất định theo quy định thu gom rác của bên A quy định sách và công cụ thu gom rác thải sinh hoạt nơi thu gom rác thải công nghiệp.

- Trong bao bì rác thải công nghiệp để vận chuyển và thời gian thu gom rác sinh hoạt cho bên B để đảm bảo quy định của bên B.

**Bên B:**

- Tạo điều kiện thuận lợi để bên A thu gom rác thải sinh hoạt được thuận lợi, rác thải sinh hoạt phải được chứa trong các bao bì rác được buộc kín và để vào các thùng nhựa có nắp đậy, không được để các loại rác khác như rác thải công nghiệp nguy hại hoặc không nguy hại, rác thải xây dựng, các loại động vật chết... vào thùng, bao chứa rác thải sinh hoạt.

- Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A theo đúng cam kết ở điều 3.

Thông tin chi tiết xin liên hệ trong văn phòng số 10 đường Nguyễn Huệ Quận 1, rác sinh hoạt cho bên A liên:

**Điều 5: Cam kết chung**

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các quy định trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn vướng mắc, hai bên sẽ chủ động bàn bạc để tháo gỡ và giải quyết nên tinh thần xây dựng và hợp tác.

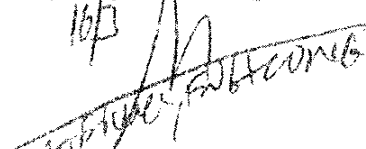
Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 03/01/2023 đến 31/12/2023, hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.

**Đại diện bên A (nhận khoán)**



**NGUYEN DUY HONG**

**Đại diện bên B (giao khoán)**



**CHEONG YEW HOONG**

Đồng Nai, ngày 23 tháng 06 năm 2019

**BIÊN BẢN**  
**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC THEO HỢP ĐỒNG**

1. Công trình: Hệ thống xử lý nước thải trại chăn nuôi heo GP2, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm.
2. Địa điểm: Tổ 7, Ấp 4, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
3. Hạng mục công việc: Nuôi cấy vi sinh cho hệ thống xử lý nước thải.
4. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

• Đại diện Bên A: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Velmar – Chi nhánh GGP

(Trại GP2 - Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Velbred)

- Ông (Bà): LEE...MONO...KENT... Chức vụ: ...Quản lý...Trại...

- Ông (Bà): ...Phước...... Chức vụ: .....

• Đại diện Bên B: Công ty TNHH Công Nghiệp Môi Trường Trần Vũ

- Ông (Bà): Nguyễn Văn Hữu... Chức vụ: ...Cán bộ Kỹ Thuật...

- Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

**4. Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: .....giờ ..... ngày.....tháng.....năm 2019;

Kết thúc: 15 giờ 30 ngày 23 tháng 06 năm 2019;

Tại công trình: Hệ thống xử lý nước thải trại chăn nuôi heo GP2, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**5. Đánh giá công trình đã thực hiện:**

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu :

- Hợp đồng kinh tế số: 06/2019/TV:HDKT về việc “Nuôi cấy vi sinh cho hệ thống xử lý nước thải trại chăn nuôi heo GP2, công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm”;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công;

b. Chất lượng công việc.

Đạt yêu cầu

c. Các ý kiến khác (nếu có):

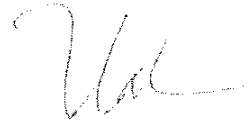
**6. Kết luận:**

- Đồng ý nghiệm thu hoàn thành công việc theo hợp đồng.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**ĐẠI DIỆN BÊN B**



Nguyễn Văn Hiếu

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ

\*\*\*\*\*

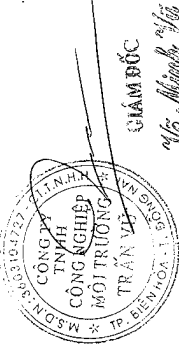
# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Công trình: **HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠI CHĂN NUÔI HEO GP2  
CÔNG SUẤT 500M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐÊM**

CHỦ ĐẦU TƯ  
CTY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VELMAR -  
CHI NHÁNH GP



ĐƠN VỊ THI CÔNG  
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG  
TRẦN VŨ

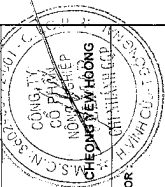


CHI CHUẨN NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
VELMAR - CHI NHÁNH GGP  
(TRAI GP2-CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHĂN NUÔI VELBRED)**

ĐIA CHỈ ADDRESS: T.7, Ấp.4, Xã Phú Lữ, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai  
GIÁM ĐỐC /DIRECTOR



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR:

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP  
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ**

ĐIA CHỈ ADDRESS: Số 41, Khu phố Linh Lễ, Hòa An, Đường Nguyễn Ái  
Quang, Xã Linh Lễ, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai



VŨ MINH VŨ

QUẬN/PROVINCE: Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

THIẾT KẾ /DESIGNED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

VẼ /DRAWN BY: Ks. TRẦN VĂN TRƯỜNG

KIỂM TRA /CHECKED BY: Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TRÌNH /PROJECT:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠI HEO  
CÔNG SUẤT 500M<sup>3</sup>/NGÀY  
WASTEWATER TREATMENT SYSTEM PIG  
FARMS, CAPTION 500M<sup>3</sup>/DAY**

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

**MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ**

THIẾT KẾ SƠ BỘ  
CONCEPT DESIGN

THIẾT KẾ CHI TIẾT  
DETAIL DESIGN

TRỪU DUYỆT  
APPROVED

HỒN LỒNG  
REVISION

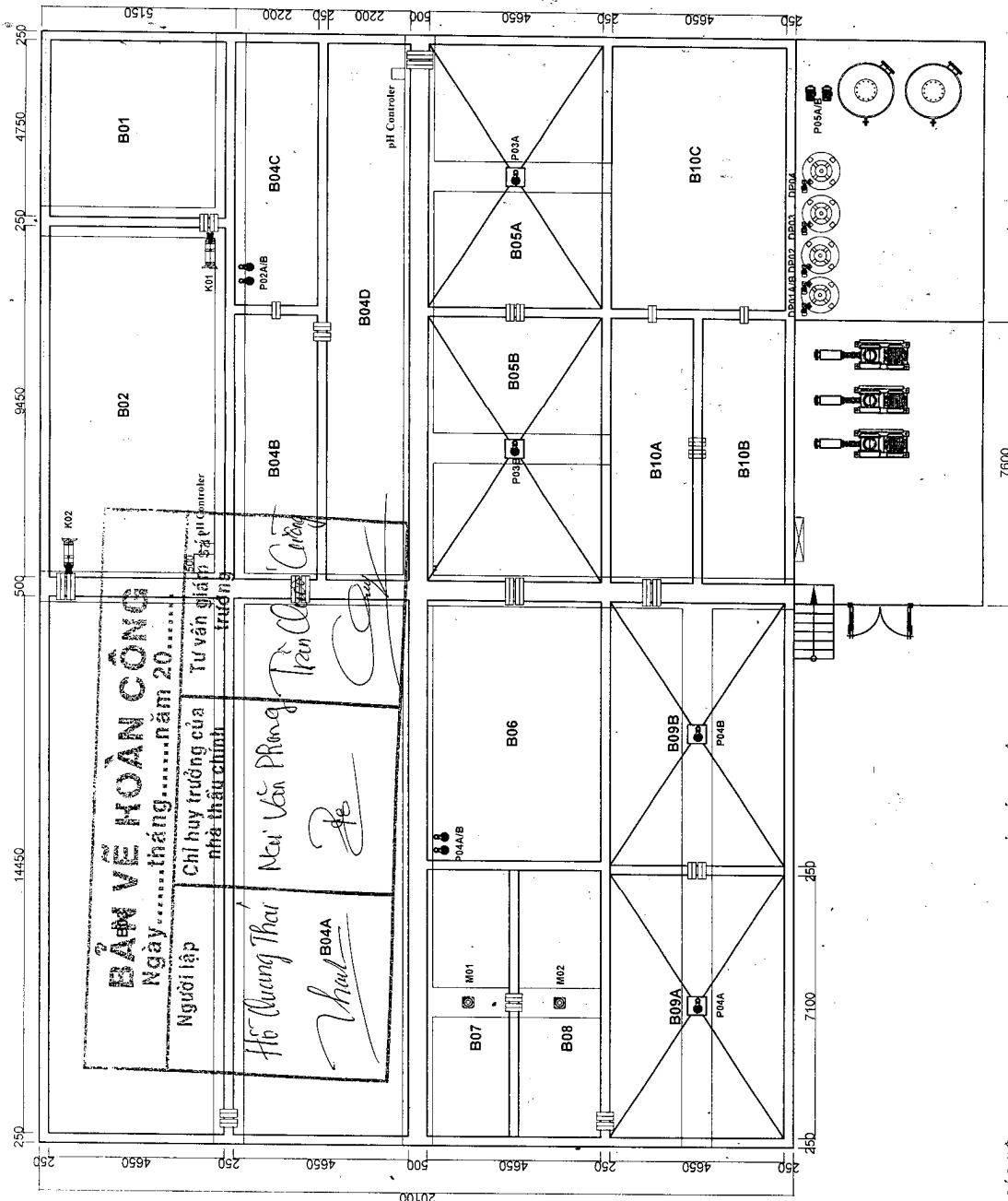
KỶ HIỆU /DRAWING No.:

1/125

NGÀY/DATE:

06/2018

4/13



**C-CHỦ THÍCH THIẾT BỊ**

Ký hiệu	Hàng mục	Ký hiệu	Hàng mục
P01A/B	BƠM HỒ ĐIỀU HOÀ	TK01/02/03	MÁY THỜI KHÍ
P02A/B	BƠM TUẦN HOÀN	K01/02	MÁY KHUAY CHIM
P03A/B	BƠM BƠM VỊ SINH	M01/02	MOTOR KHUAY
P04A/B	BƠM TRUNG GIAN	T01/02/03/04	BƠM HÓA CHẤT
P05A/B	BƠM BỀN HÓA LÝ	DP01AB/02/03/04	BƠM HÓA CHẤT
P06A/B	BƠM LỌC AP LỰC		

**C-CHỦ THÍCH CÁC BỂ**

Ký hiệu	Hàng mục	Ký hiệu	Hàng mục
B01	BỂ LẮNG SƠ BỘ	B07	BỂ KEO TỤ
B02	BỂ ANOXIC	B08	BỂ TẠO BÓNG
B03	BỂ NBBR	B09	BỂ LẮNG HÓA LÝ
B04	BỂ AEROTANK	B10	BỂ KHỬ TRÙNG
B05	BỂ LẮNG VỊ SINH	B11A/B	BƠM LỌC AP LỰC
B06	BỂ TRUNG GIAN	B12	BỂ CHỨA BỀN







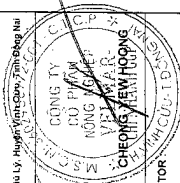
GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
VELMAR - CHI NHÁNH GGP  
(TRẠI GP2-CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHĂN NUÔI VELBRED)

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 16.7, Ấp 4, Xã Phú Lý, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP  
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: Số 11, Khu nhà liền kề An Đường Nguyễn Ái  
Quốc, Phường An Thành, Quận Bắc Hòa, Tỉnh Bắc Ninh



VÕ MINH VŨ

QUẢN LÝ  
AUDITED BY: Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

THIẾT KẾ  
DESIGNED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

VẼ  
DRAWN BY: Ks. TRẦN VĂN TRƯỜNG

KIỂM TRA  
CHECKED BY: Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TRÌNH /PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠI HEO  
CÔNG SUẤT 500M<sup>3</sup>/NGÀY  
WASTEWATER TREATMENT SYSTEM PIG  
FARMS, CAPTION 500M<sup>3</sup>/DAY

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

MẶT CẮT ĐỘC ĐƯỜNG ỐNG

THIẾT KẾ SƠ BỘ  
CONCEPT DESIGN

THIẾT KẾ CHI TIẾT  
DETAIL DESIGN

TRÌNH DUYỆT  
APPROVED

HOÀN CÔNG  
REVISION

TỶ LỆ/SCALE:

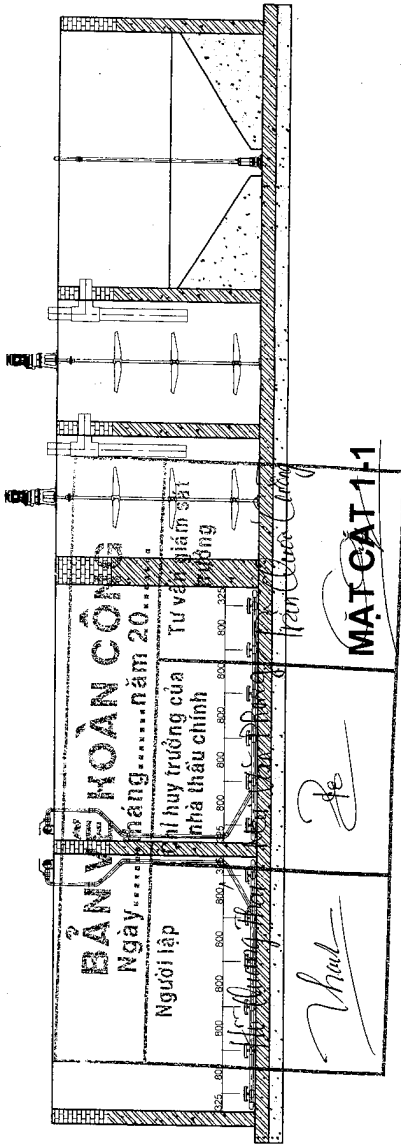
1/125

KÝ HIỆU /DRAWING No.:

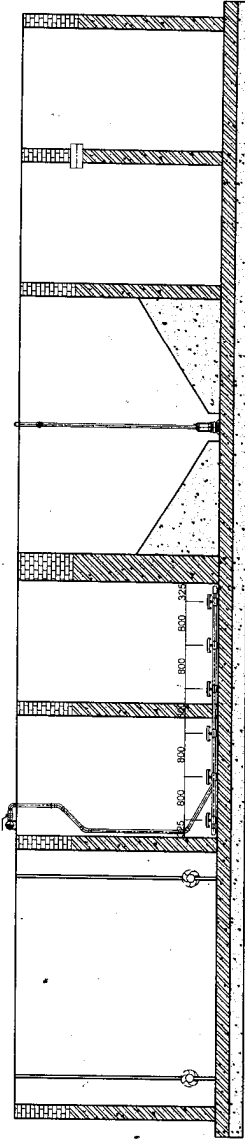
NGÀY/DATE:

06/2018

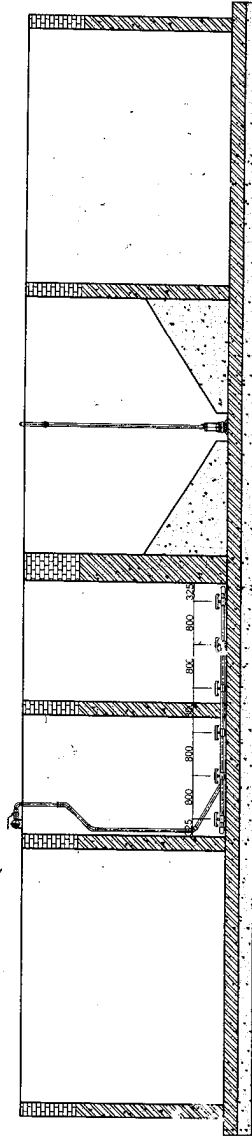
13/13



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



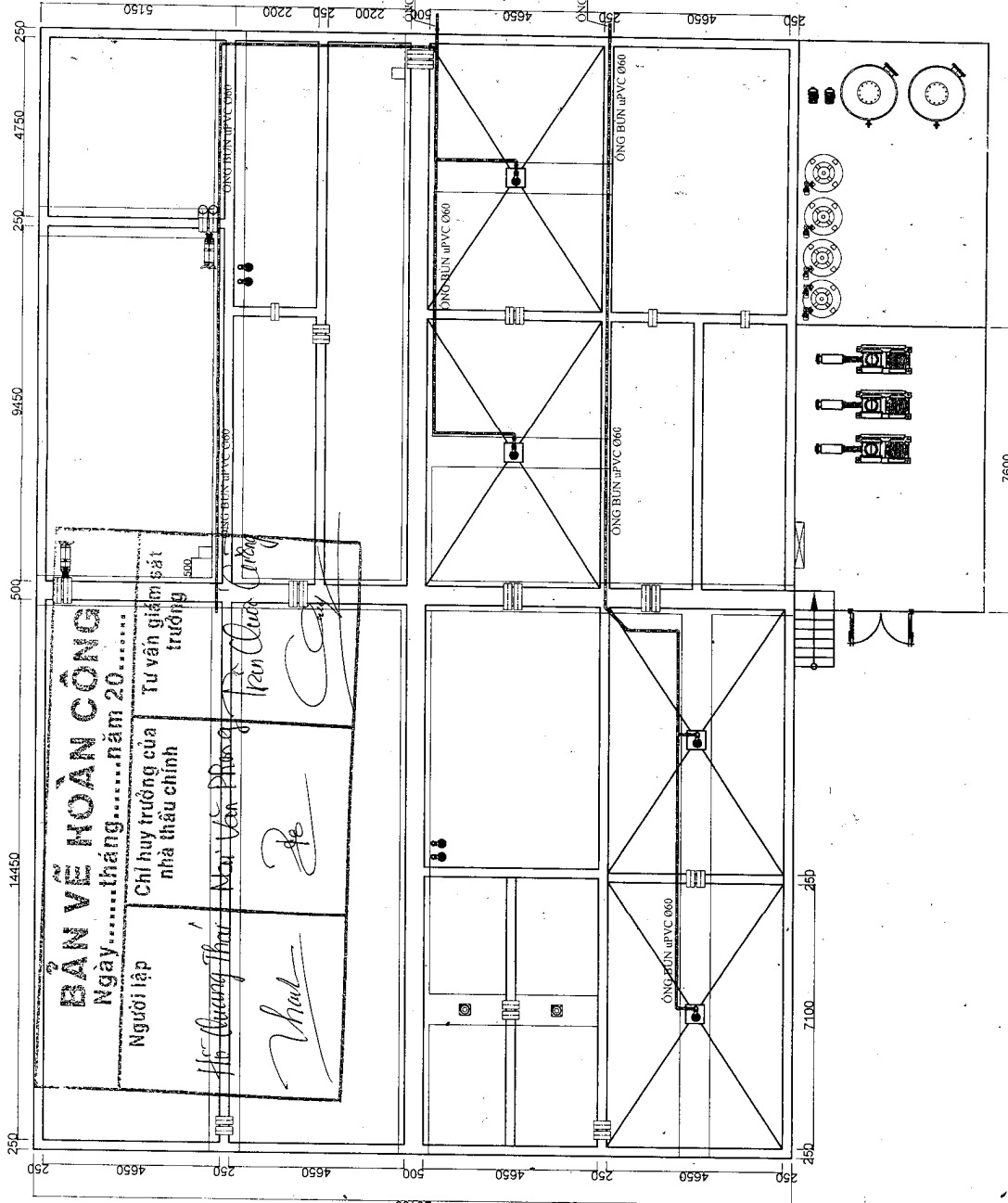
MẶT CẮT 3-3







CHI TIẾT KỸ THUẬT



CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
VELMAR - CHI NHÁNH GGP  
(TRẠI GP2-CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHĂN NUÔI VELBRED)**

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN / CONTRACTOR:

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP  
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ**

ĐỊA CHỈ / ADDRESS: Số 11, Khu nhà I và Kê Hòa An, Đường Nguyễn Ái  
Quốc, Phường Trưng Bội, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh

CHỈ HUY TRƯỞNG / DIRECTOR:



VÔ MINH VŨ

THẨM Duyệt / AUDITED BY: Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

THIẾT KẾ / DESIGNED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

VẼ / DRAWN BY: Ks. TRẦN VĂN TRƯỜNG

Kiểm Tra / CHECKED BY: Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠI HEO  
CÔNG SUẤT 500M<sup>3</sup>/NGÀY  
WASTEWATER TREATMENT SYSTEM PIG  
FARMS, CAPTION 500M<sup>3</sup>/DAY**

TÊN BẢN VẼ / NAME DRAWING:

**MẶT BẰNG ĐƯỜNG ống BUN**

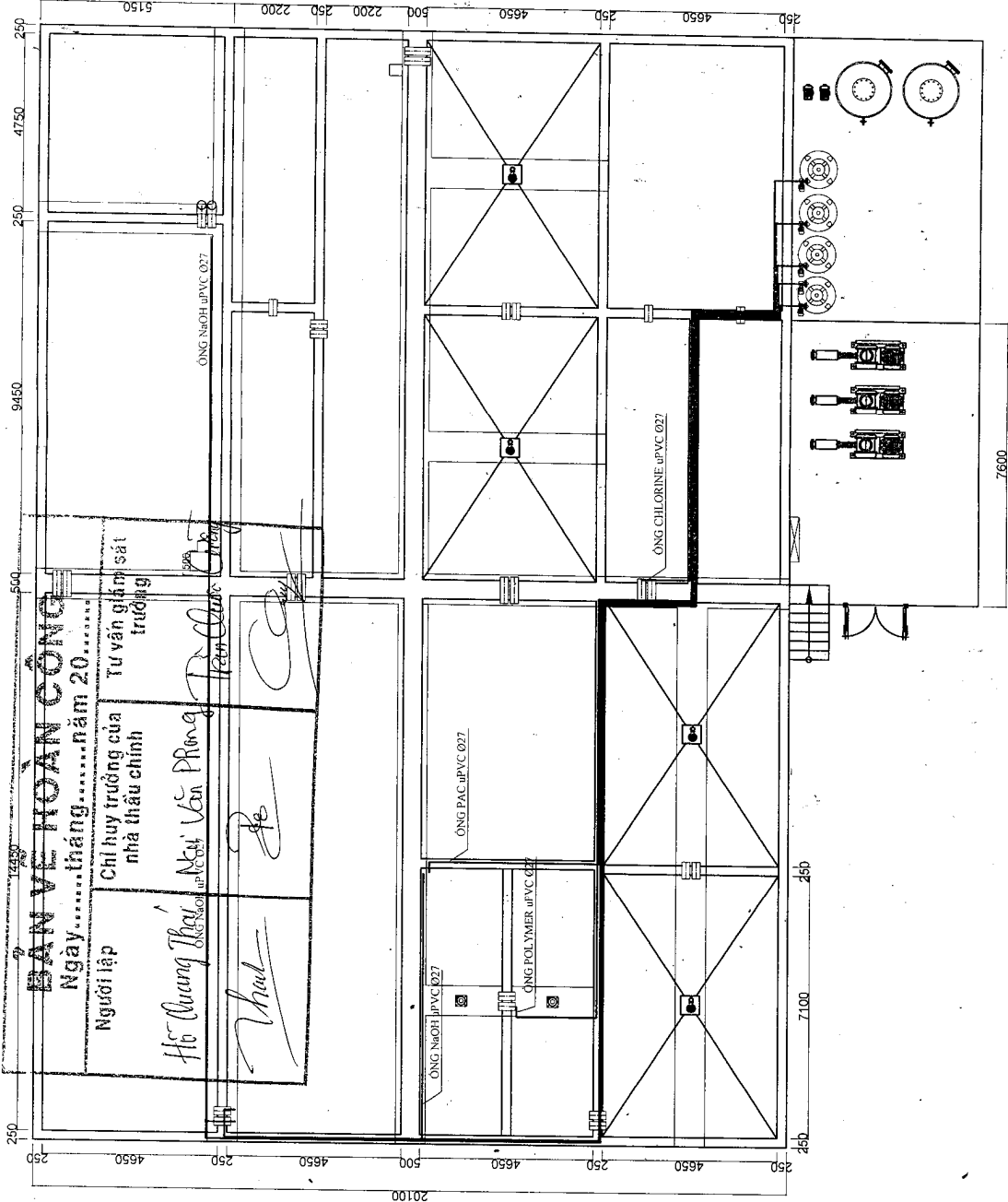
THIẾT KẾ SỐ BỐ / CONCEPT DESIGN:  THIẾT KẾ CHI TIẾT / DETAIL DESIGN:

TRÌNH DUYỆT / APPROVED:  HOÀN CÔNG / REVISION:

TỶ LỆ / SCALE: 1:125 KÝ HIỆU / DRAWING No.: 9/13

NGÀY / DATE: 06/2016

CHỈ CHỮ KHUYNH

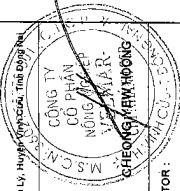


CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
VELMAR - CHI NHÁNH GGP  
(TRẠI GP2-CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHĂN NUÔI VELBRED)

ĐỊA CHỈ ADDRESS: 15/7, ẤP 4, XÃ PHU LỸ, HUYỆN PHƯỚC AN, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP  
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ

ĐỊA CHỈ ADDRESS: 15/7, ẤP 4, XÃ PHU LỸ, HUYỆN PHƯỚC AN, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:



VÕ MINH VŨ

QUẢN LÝ / AUDITED BY:	Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:	Ks. NGÔ VĂN KHOAN
VẼ / DRAWN BY:	Ks. TRẦN VĂN TRƯỜNG
KIỂM TRA / CHECKED BY:	Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠI HEO  
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY  
WASTEWATER TREATMENT SYSTEM PIG  
FARMS, CAPTION 500M³/DAY

TÊN / BÀN VẼ / NAME DRAWING:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG  
HÓA CHẤT

- THIẾT KẾ SƠ BỘ / CONCEPT DESIGN
- THIẾT KẾ CHI TIẾT / DETAIL DESIGN
- TRÌNH DUYỆT / APPROVED
- HOÀN CÔNG / REVISION

TỶ LỆ / SCALE:

KÝ HIỆU / DRAWING No.:

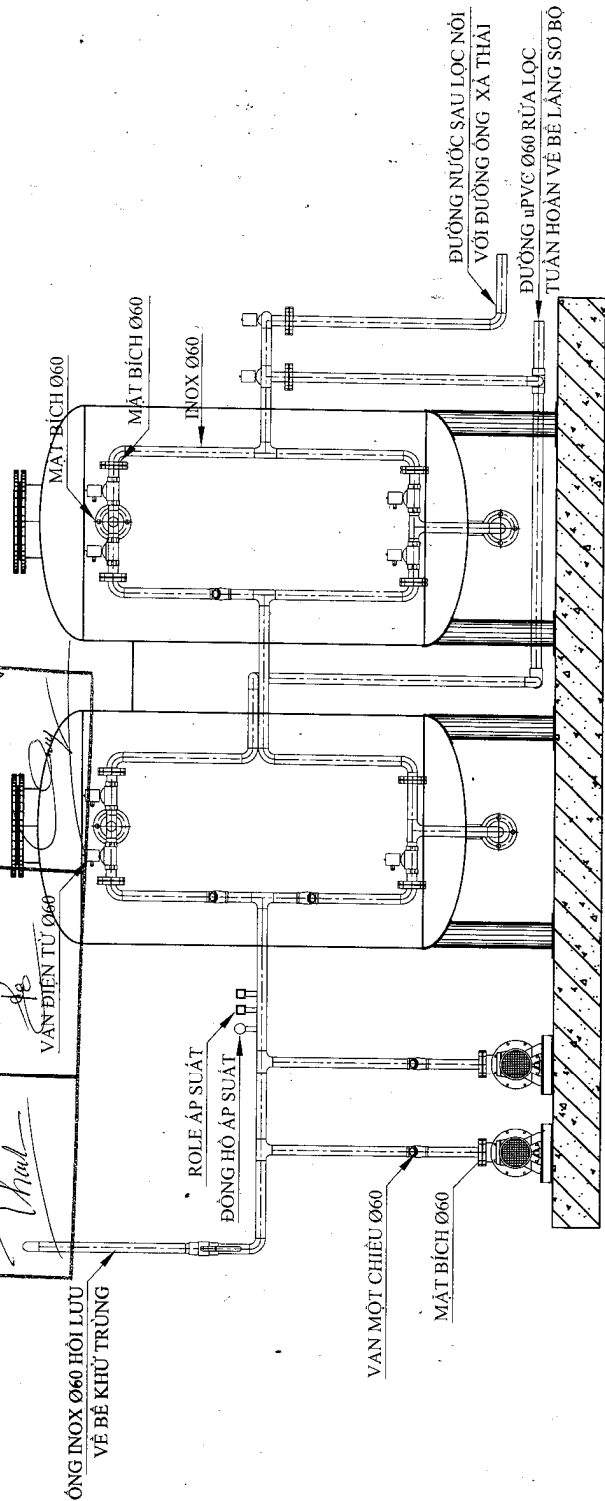
NGÀY DATE:

09/2016

10/13

SƠ CHUẨN NOTES:

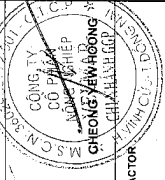
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày...tháng...năm 20...  
 Người lập: *Hoàng Thái*  
 Chỉ huy trưởng của nhà thầu chính: *Nai Văn Phòng*  
 Tư vấn giám sát trường: *Trần Quốc Cường*  
 VẠN ĐIỆN TỬ 060



CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
VELMAR - CHI NHÁNH GGP  
(TRAI GP2-CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHĂN NUÔI VELBRED)**

ĐỊA CHỈ ADDRESS: 19.7, Ấp 4, Xã Phú Lý, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa

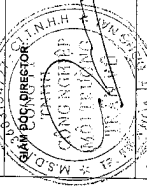


GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CONTRACTOR:

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP  
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ**

ĐỊA CHỈ ADDRESS: Số 11, Khu nhà dân Kế Hòa An, Đường Nguyễn Ái Quốc, Xã Hoằng Thành, Huyện Bìn Hòa, Tỉnh Đồng Nai



QUẢN LÝ DỰ ÁN / PROJECT MANAGER: Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

THIẾT KẾ / DESIGNED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

VẼ / DRAWN BY: Ks. TRẦN VĂN TRƯỜNG

KIỂM TRA / CHECKED BY: Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TRÌNH PROJECT:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠI HEO  
CÔNG SUẤT 500M<sup>3</sup>/NGÀY  
WASTEWATER TREATMENT SYSTEM PIG  
FARMS, CAPTION 500M<sup>3</sup>/DAY**

TÊN BẢN VẼ NAME DRAWING:

**ĐƯỜNG ỚNG BỒN LỌC ÁP LỰC**

THIẾT KẾ SƠ ĐỒ / CONCEPT DESIGN

THIẾT KẾ CHI TIẾT / DETAIL DESIGN

TRÌNH DUYỆT / APPROVED

HOÀN CÔNG / REVISION

TỶ LỆ SCALE: 1/125

KÝ HIỆU / DRAWING No.:

NGÀY / DATE: 08/2018

11/13



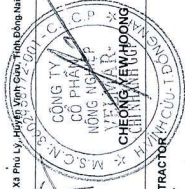
GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
VELMAR - CHI NHANH GGP  
(TRẠI GP2-CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHĂN NUÔI VELBRED)

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 16/7, Ấp 4, Xã Phú Lý, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP  
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 68/1, Khu phố Lạc Lễ Hòa An, Đường Nguyễn Ái  
Quốc, Xã Lạc Lễ, Phường Phú Bình Hòa, Tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR:



VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ /AUDITED BY:

Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

THIẾT KẾ /DESIGNED BY:

Ks. NGÔ VĂN KHOAN

VẼ /DRAWN BY:

Ks. TRẦN VĂN TRƯỜNG

KIỂM TRA /CHECKED BY:

Ks. ĐOÀN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TRÌNH /PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠI HEO  
CÔNG SUẤT 500M<sup>3</sup>/NGÀY  
WASTEWATER TREATMENT SYSTEM PIG  
FARMS, CAPTION 500M<sup>3</sup>/DAY

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG 0-0

THIẾT KẾ SƠ ĐỒ  
CONCEPT DESIGN

THIẾT KẾ CHI TIẾT  
DETAIL DESIGN

TRÌNH DUYỆT  
APPROVED

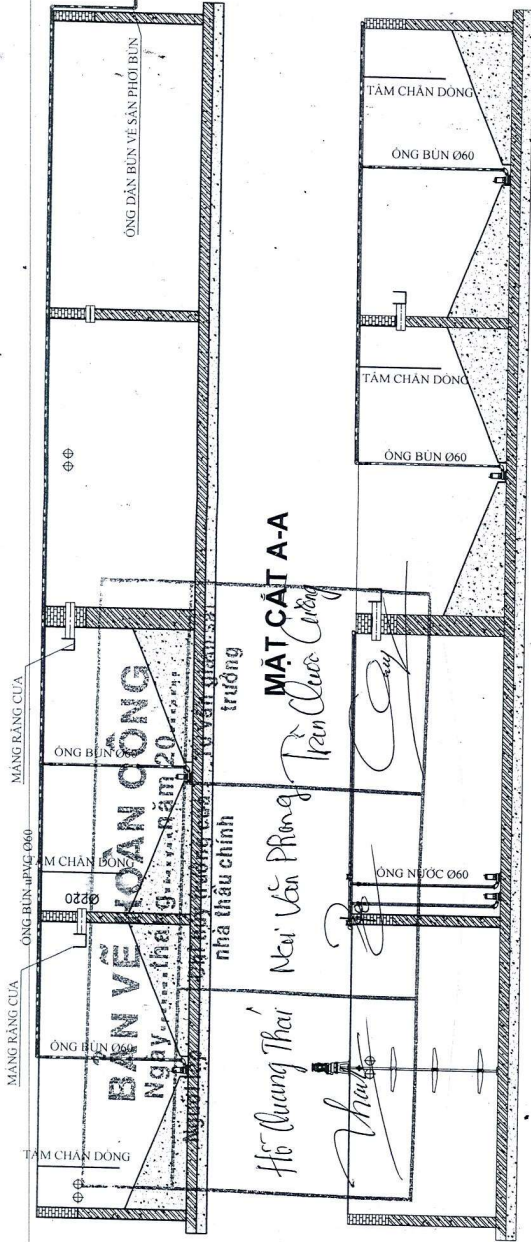
HOÀN CÔNG  
REVISION

TỶ LỆ /SCALE:

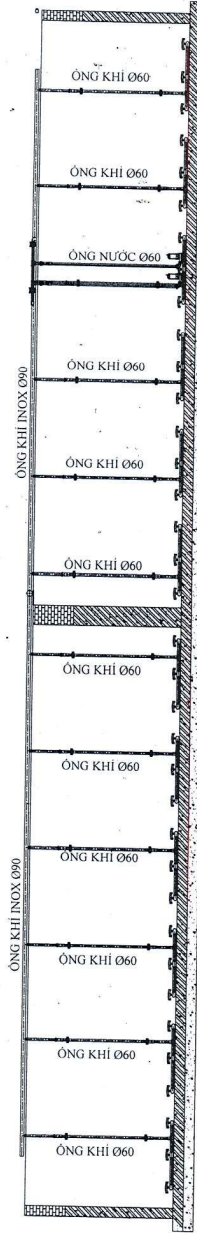
1/125

KÝ HIỆU /DRAWING No.:

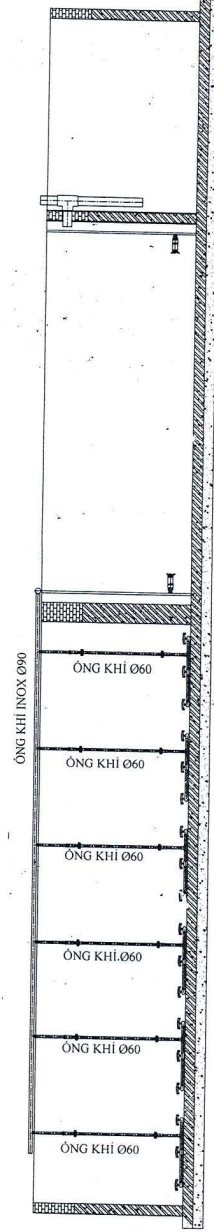
12/13



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT D-D